TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Nhà văn bình-dân. . . *Hoa-Bằng*
* Lạc-vương với Hùng-vương *Nguyễn-văn-Tố*
* Nguyễn-Du viết « Đoạn-trường tân-thanh » vào lúc nào? *Đào-duy-Anh*
* Nội-dung bộ « Lịch triều hiến-chương » (II) *H. B.*
* Trả cho Đồ Chiểu *Thọ-Xuân*
* Tùy-hứng *Bà Lưu-văn-Lợi—Trực-Thần*
* Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ III) *Phan-khắc-Khoan*
* Nùng-Trí-Cao (Hết) *Sông-Bằng*
* Bản tính thiên-địa biểu *Đào-trọng-Đủ*
* Trung-quân Nguyễn-văn-Trương (II) *Nguyễn Triệu*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XIX) *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 96**
Thứ năm, 20 Mai 1943

0$20

Nhà văn bình-dân

ấy đã lên tiếng bênh vực văn-hóa cổ-hữu của ta thế nào?

HOA-BẰNG

NHÀ văn bình-dân mà tôi muốn giới-thiệu với các bạn đây là một « người » có tính-cảnh thuần-túy Việt-nam, giữ vững được cái tinh-thần đặc-biệt của dân-tộc Đại-Việt.

Người ấy cạo đầu, chứ không theo mệnh-lệnh của nhà Minh cấm cắt tóc.

Người ấy nếu là phụ-nữ thì mang xiêm, mặc yếm, chứ không chịu bận áo ngắn, quần dài, theo hệt lễ-thói người Tàu...

Người ấy nói tiếng nam, chứ không theo Trần Ích-Tắc đóng bộ áo « bình-chương » mà cười Nguyễn-Đại-Phạp là « đứa trẻ viết mướn của nhà Chiêu-đạo vương ».

Người ấy đứng bên Hàn Thuyên mà tán thành lối thơ phú nôm do Thuyên khởi xướng...

Nói tóm, người ấy là hình-ảnh của nước Đại Việt: từ lời nói đến việc làm, bao giờ cũng nhớ mình là người Nam, bao giờ cũng đứng lên bênh-vực cho món văn-hóa cổ-hữu của dân-tộc này.

Có khi người ấy đến nơi đồng-nội, vỗ-về khuyến-khích những ông bố cu mẹ đĩ trong cảnh sinh-hoạt nông tang.

Có lúc người ấy đóng vai trào-phúng, mỉa-mai những đồi phong, tục và những hành-vi phi-pháp, phi-công của đời...

Lại có lần người ấy vào sinh ra tử, tìm đến sa-trường, đứng bên hàng-ngũ quân-nhân mà yên ủi họ, khuyên-gắng họ bằng những lời hùng-hồn hăng-hái...

Nếu các bạn cho phép, tôi xin nói thẳng rằng người ấy chính là nhà văn bình-dân, tác giả những câu ca-dao, tục ngữ.

***

Nhà văn ấy có một chủ-trương rất vững chắc, cho rằng ở đời cần phải *cần-lao* mới tồn-tại được.

Muốn cho dân-chúng coi việc nông là việc trọng, hạng nông là hạng đáng được nâng lên một địa vị cao, nên nhà văn ấy hết sức ca tụng chính-sách khuyến nông và sốt-sắng tuyên truyền tư-tưởng trọng nông giữa vòng đại chúng.

Một khi thấy cái tư-tưởng trọng sĩ từ Tàu tràn sang, liệt *nông* đứng dưới hàng *sĩ*, nhà văn ấy cực lực phản đối, chỉ chực tìm dịp để mỉa mai chế giễu hạng người bấy lâu quen sùng-sinh trong nếp khăn dài, áo rộng, dề-dà ca-cách trong bộ móng tay để dài uốn cong.

Ve múa hát mãi mà không làm, chắc cũng có lúc phải hết lương-thực.

Người cứ ăn dưng ngồi rồi mà không biết phân biệt nếp tẻ thì tiền đồ nong cũng phải có lúc hết.

Quả nhiên, hạng sĩ thường hay ngâm gió bỡn trang, tự hào là hạng được « trị người » kia có lúc hết gạo, phải chạy mỏi gối, chạy chồn chân, chạy bay tóc trước, ngược tóc sau mà cầu cứu đến nông, là hạng bấy nay vẫn không được sĩ đếm-xỉa.

Được dịp, nhà văn bình dân liền lên tiếng đắc thắng:

« *Nhất sĩ, nhì nông?*
« *Hết gạo, chạy rông:*
« *Nhất nông, nhì sĩ!* »

***

Hễ ai đã sống ở đời, có làm thì mới đáng ăn, chứ không thể làm hạng « tằm gửi », sống ỷ-lại vào người khác được.

Thấy lắm kẻ lấy nê cắp sách đi đọc, nhưng quá cưng mình, quen thói lười biếng, không siêng năng chịu khó, không biết thực hành hai chữ « vô dật », chia xẻ những mùi vất-vả nhọc-nhằn trong cảnh sinh-hoạt đồng-áng với nông-dân, nhà văn ấy liền nêu lên một tiêu-ngữ:

« *Đồi bát bồ hôi lấy bát cơm!* »

Và:

« *Có khó mới có miếng ăn,*
« *Ngồi dưng, ai dễ mang phần đến cho?* »

Tư-tưởng ấy thật ăm hợp với cái chủ-trương này của Saint Paul: « Nếu ai không khứng làm việc thì cũng không nên ăn nữa ».

Do cái tư-tưởng căn-bản ấy đã gây trong óc người ta một ý nghĩ trọng nông, một khuynh-hướng vụ

thực, nên trong xã hội có lúc đã nảy cái hiếu thượng rất lạ : bài xích hẳn hạng sĩ lười biếng vô dụng đến nỗi lắm cô tóc dài, da trắng, má hồng, răng đen xưa đã phải lên tiếng cổ động các bạn gái :

« *Ai ơi, chớ lấy học trò*
« *Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm !* »

***

Đối với những thuật như bói-khoa và địa-lý là những món dị-đoan theo văn-hóa Tàu tràn vào nước ta, nhà văn bình dân cũng công kích một cách ngọt ngào nhưng thấm-thía.

Đến chỗ này, ta phải đi ngược thời-gian, mở lại những trang sử cũ xem bợn âm-dương, y-phương tăng đạo ấy đã được đắc dụng vào thời-đại nào :

Sử chép : « Tham-nghị là Bành Đạo-Tường (quan nhà Minh) xin (vua nhà Minh) dựng trường học ở các phủ, châu, huyện và tìm kiếm những người học về âm-dương, y-phương và tăng đạo, trao cho quan-chức để họ coi giữ việc giáo-hóa. » Vì vậy, tháng 10, năm giáp-ngọ (niên-hiệu Minh Vĩnh-lạc thứ mười hai, 1414), nhà Minh mới đặt trường học trong các phủ, châu, huyện ở bên ta (Khâm định Việt-sử thông-giám cương-mục, quyển XII, tờ 42 a).

Căn cứ vào đó, ta có thể đoán rằng, từ hồi Minh-thuộc (1414-1428), những bọn dị-đoan tả-đạo nhân cái dà được cầm quyền giáo dục ấy, đắc dụng một thời, rồi cứ làm mưa làm gió ở nơi dân-gian đến nỗi truyền tử nhược tôn, họ cứ công nhiên « đánh thuế » những người mê-tín.

Không dung bọn ấy làm hại người đời, nhà văn bình-dân bèn lên tiếng mai-mỉa :

« *Kẻ sáng lại cứ đi hỏi người mù !* »

Và :

« *Bói ra ma, quét nhà ra rác !* »

Cũng vẫn cái giọng mát-mẻ ấy, nhà văn bình-dân không thể chịu nổi trước những hành-vi của mấy ông phong-thủy ngày ngày vác địa-bàn, giẫm nát cỏ cánh đồng này đến cánh đồng khác, rồi gân cổ cãi nhau : « Cau khô, mỗi người một ý ; địa-lý, mỗi người một phương », nên phải đánh đổ họ bằng lối văn hài-hước :

« *Hòn đất mà biết nói năng,*
« *Thì thầy địa lý hàm răng chẳng còn !* »

Vừa áp-đảo được phái tróc long tầm hồ kia bằng những lý sự sờ-sờ trước mắt mà rất đanh-thép ấy, nhà văn bình-dân lại thấy một số dung-y lạm dụng dao cầu thuyền tán mà giết người, nên vội phải đứng lên chỉ trích những hành động có hại của họ :

« *Nhiều thày thối ma !* »

Và :

« *Sống thì thày cứu người ta,*
« *Đến khi thày ốm chẳng ma cứu thày !* »

Câu trên tỏ rằng mỗi thày lang một phách, ai cũng lấy người ốm làm vật thí-nghiệm phương thuật chua tinh của mình, rút cục người ốm vẫn « tiền mất tật mang », rồi đến chết thối ra ma là hết chuyện !

Câu dưới ý nói bình-sinh thày vẫn cứu nhân độ thế, vẫn trị khỏi đám nọ, chữa lành đám kia, nhưng đến khi thày ốm : thày vẫn không tự cứu được thày !

Đạo Phật từ đầu thế-kỷ thứ III do Khang-Tăng-Hội truyền vào nước ta, rồi sau càng ngày càng thịnh. Từ Lý cho đến đầu Trần, đạo ấy đã nghiễm-nhiên chiếm một lực-lượng khá mạnh trong xã-hội. Nhưng đến cuối Trần, đạo ấy đã dần suy, người tu-hành phần nhiều chỉ vì lợi-dưỡng. Đến hồi Minh thuộc, họ được người Minh cho tham dự vào việc chưởng giáo, những kẻ vô tư-cách lại càng cậy thế làm xằng.

Trước những sự giả đạo-đức, giả tu hành, gạt mình lừa người của họ, nhà văn bình-dân bất đắc dĩ lại phải lên tiếng :

« *Miệng na mô, bụng bồ dao găm !* »

Và :

« *Ba cô đội gạo lên chùa,*
« *Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư :*
« *Sư về, sư ốm tương tư,*
« *Ốm lăn, ốm lóc cho sư trọc đầu...* »

Rồi đứng bên văn-hóa cổ-hữu của ta, nhà van ấy vạch sẵn cho mọi người một con đường chân lý để đi đến cái đích chí thiện :

« *Ăn mặn nói ngay, còn hơn ăn chay nói dối* ».

Và :

« *Thứ nhất thì tu tại gia,*
« *Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa* »

Như vậy tỏ rằng người ấy đã nhận-chân được phương-hướng đi tới trên đường đạo-lý, chẳng cực-đoan như phái duy-tâm cũng chẳng láo lếu như hạng tín ngưỡng. Người ấy là thờ chân-lý, chú-trọng vào tế mà không viển-vông, nhìn n

(Xem tiếp trang 21

LẠC-VƯƠNG VỚI HÙNG-VƯƠNG

Ứng-hộ NGUYỄN-VĂN-TỐ

ÔNG Vũ ngọc Phan mới ra một quyển *Nhà văn hiện-đại*, trong có nhiều đoạn ông nói cũng xác-đáng, song cũng có nhiều đoạn ông nói sai. Như trang 64, quyển II, nói cụ Trần Trọng-Kim và cụ Bùi Kỷ « đi cặp-kè với nhau nhiều lần trên đường văn-chương và khảo-cứu, làm cho người ta phải nhớ đến cái tên Erckmann-Chatrian trong văn-giới Pháp, hai cái tên đi cặp-kè và cũng nổi tiếng về văn-học và sử-học ». Chỗ này ông dẫn như thế thì nhầm, vì Erckmann-Chatrian làm tiểu-thuyết lịch-sử chứ có khảo-cứu lịch-sử bao giờ đâu, mà đem ví với cụ Trần Trọng-Kim và cụ Bùi Kỷ thì lại nhầm lắm.

Đến trang 173, ông nhắc lại tên « Hùng-vương » với « Lạc-vương », dẫn một bài khảo-luận của cụ Sở-cuồng Lê-Dư (*Hùng-vương là Hùng-vương* đăng trong *Khai-trí tiến-đức tập-san*, số 5-6, tháng Janvier-Juin 1942, trang 3-9. Bài này khi mới xuất-bản, tôi đã toan bàn đến, nhưng xét ra cụ Sở-cuồng lập ra ba bốn thuyết, đều thiên về chủ-nghĩa quốc-gia, không đúng với phép làm sử, nên tôi bỏ, không bàn đến. Cụ nói « bình sinh chủ-trương mấy cái thuyết này: 1, Việc nước nào, người nước ấy nói ra mới đúng; 2, Một việc phát-sinh ở nước nào, sách vở nước ấy chép ra mới đúng; 3, Một dân-tộc nào, khởi-thủy ở đâu, phải theo sách vở của nước ấy chép ra mới đúng; 4, Danh-từ gì của một dân tộc nào đặt ra, phải dân-tộc ấy nói ra mới đúng ».

Tôi tưởng làm sử cốt tìm sự thực mà đừng có chép sai tức cũng như quan tòa hỏi án, hễ người nào biết, đều phải hỏi cả, không cứ người nước nào; nếu theo mấy thuyết của cụ Sở-cuồng, thì không khỏi sinh ra thiên-vị...

Tôi nói qua như thế, chắc độc-giả cũng hiểu; kể nói cho kỹ, thì phải làm hẳn một quyển sách về phép làm sử, như quyển của ông Ch.-V. Langlois và Ch. Seignobos (*Introduction aux études historiques*) hay một bài dài như bài ông G. Monod trong quyển *De la méthode dans les sciences*.

Nay nhân ông Vũ ngọc Phan làm quyển *Nhà văn hiện-đại* nói đến bài của tôi trong *Tri-tân*, số 9, có ý chỉ-trích là phù-hoa, bất-đắc-dĩ tôi lại phải nói đến bài cụ Sở-cuồng, và dẫn những chỗ xuất-xứ ở sách ta sách tàu, rõ-ràng hơn bài trước, để độc-giả phán-đoán.

Trước hết tôi hẳng dịch một đoạn sách của ông Henri Maspéro đăng trong tập kỷ-yếu trường Bác-cổ như sau này (*Etudes d'histoire d'Annam*, bài thứ tư, trang 7): « Vua đầu tiên của nước An-nam, tên hoặc hiệu là Hùng-vương; trong quyển *Việt-sử lược* có chép rằng: « Người ta kể lại có 18 đời vua, đều gọi là Hùng-vương ». Một nửa thế-kỷ về trước có quyển *Việt-điện u-linh* chép một chuyện hoang-đường (là chuyện thần Tản-viên), trong cũng có nói đến vua Hùng-vương. Lâu hơn nữa thấy chép ở trong quyển *Thái-bình Hoàn-vũ ký*: quyển này hai lần dẫn một đoạn sách ở quyển *Nam-Việt chí* của Thẩm Hoài-Viễn (làm về thế-kỷ thứ năm) như sau này: « Đất Giao-chỉ rất là béo tốt, vua Giao-chỉ là Hùng-vương ». Cứ như thế thì hai chữ Hùng-vương cổ nhất có từ thế-kỷ thứ năm sau Thiên-chúa, mà xem ra tương-truyền một cách chắc-chắn lắm. Nhưng có một điều khó giải là cũng một câu ấy thấy chép ở quyển *Thủy kinh chú*, thì không viết chữ « Hùng » mà viết chữ « Lạc »; nhưng *Thủy-kinh chú* không dẫn ở *Nam-Việt chí*, lại dẫn ở *Giao-châu ngoại-vực ký* (làm vào thế-kỷ thứ tư). Chữ Lạc ấy (viết *các* bên bán *duy* hoặc *chùy*) với chữ Hùng (*cổ* bên bán *duy*) hơi giống nhau cho nên dễ nhầm. Chắc hai chữ ấy có một chữ sai, lỗi tự người chép lại. Nhưng mà chữ nào mới đúng? May có một quyển sách giải-quyết cho vấn-đề ấy, là quyển *Quảng-châu ký*, làm trước cả mấy quyển trên kia: *Quảng-châu ký* viết chữ Lạc *mã* bên chữ *các*, như thế thì không nhầm ra chữ Hùng. Vậy thì cái tên cổ của An-nam viết sai, phải gạt bỏ đi: không bao giờ có vua Hùng cả, chỉ có vua Lạc mà thôi. Về việc nhầm này... không tại người An-nam chép sử trước tiên, chính tại người Tàu. Người An-nam làm sử cũng đã biết là nhầm mà không dám chữa: có một ông

sử-thần đã chua mấy chữ con ở dưới chữ Lạc-tướng trong bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 1, tờ 3 a) như thế này: « Lạc-tướng hậu ngoa vi Hùng-tướng », nghĩa là Lạc-tướng sau viết nhầm là Hùng-tướng (1); nhưng ông sử-thần ấy không nhận ra rằng cả hiệu vua là Hùng-vương cũng nhầm nữa. Thực thế, quyển *Lĩnh-nam trích-quái* chép một đoạn kỹ hơn quyển *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* cũng viết chữ Lạc-hầu, Lạc-tướng (*xại* bên chữ *các*) nhưng vẫn viết Hùng-vương ».

Phương-ngôn có câu: « Học có sách, mách có chứng »; chữ nào ở đâu, xuất xứ rõ ràng, thì phải theo. Nay cụ Sở-cuồng dẫn thêm những điển sau này: « Trong *Châu-lễ hạ-quan chức-phương chí* (2) có chép rằng: « Tứ di bát man, thất mâm bát lạc » (3). Chữ Lạc này một bên *xại*, một bên *các*. Sách *Mạnh-tử* có nói: « Tử chi đạo, lạc đạo giả » có câu chú rằng: « Lạc ở về hoang-phục », đánh thuế 20 phần lấy một. Chữ Lạc này cũng giống với chữ Lạc trên là một bên *xại*, một bên *các*. Sách *Hán-thư* của Ban-Cố đời Hậu-Hán về thế-kỷ thứ ba sau kỷ-nguyên có chép rằng: « Người nước Lạc-Việt, cha con tắm chung một sông », chữ Lạc này một bên *mã*, một bên *các*. Khảo theo *Khang-hy tự-điển*, hai chữ Lạc này (một chữ *xại* bên chữ *các*, một chữ *mã* bên chữ *các*) thông dùng đều là chỉ nòi-giống của ta (4). Thế thời từ đời Chu, đời Chiến-quốc, cho đến đời Hậu-Hán, đều đã nói đến hai chữ Lạc là nước ta.»

Như thế thì bỏ chữ Hùng, theo chữ Lạc mới phải. Nhưng vì cụ Sở-cuồng đã xướng lên thuyết « dân-tộc nào khởi-thủy ở đâu, phải theo sách vở của nước ấy chép ra mới đúng », nên cụ cứ một mực nói là Hùng mới đúng: cụ có biết đâu rằng những câu cụ dẫn thêm ở *Chu-lễ*, *Mạnh-tử* và *Hán-thư*, lại là thêm tang-chứng cho bài của ông Henri Maspero. Cụ muốn vin vào sách nho của ta, nhưng không biết chép từ đời nào, thành ra không đủ tin. Thì quả-nhiên như thế. Cụ dẫn *Đỗ-Thiện sử-ký*, *Báo-cực-truyện*, v. v., là những sách không còn nữa, chỉ thấy dẫn trong quyển *Việt-điện u-linh* hay trong thần tích các làng như thần-tích làng Yên-sở, v. v.

Cụ dịch một đoạn *Lĩnh-nam trích-quái* làm năm Hồng-đức thứ 23 (1492) như sau này: « Thôi tôn người hùng-trưởng làm vua, hiệu là Hưng-vương, đặt tên nước là Văn-lang, chia ra 15 bộ và đặt ra tướng văn gọi là lạc-hầu, tướng võ gọi là lạc-tướng, vương-tử gọi là quan-lang, vương-nữ gọi là mị-nương...». Rồi cụ kết rằng: « Thế là lạc-hầu, lạc-tướng cũng do vua Hùng-vương đặt ra mới có; không ai có thể viện cái chữ lạc đó mà nói các quan là lạc thì vua cũng là lạc vậy ». Nhưng cụ không nói cho độc-giả biết rằng quyển *Lĩnh-nam trích-quái* là quyển chuyện hoang-đường, kỳ-quái, không có thể viện vào đấy mà tin là có thực. Cụ lại dẫn những chuyện bánh chưng (*Chưng-binh*) dưa đỏ (*Tây-qua*), gà trắng (*Bạch-kê-tinh*), rùa vàng (*Kim-quy*), v. v., toàn là chuyện tương-truyền, không có gì là chắc-chắn cả.

Đến chữ Hùng-Hiền-vương, Hùng-Chiêu-vương, Hùng-Oai-vương, v. v., cụ viện ra, cũng không thể dùng làm sử-liệu được, vì toàn là chữ ở mấy quyển thần-tích thuộc tỉnh Sơn-tây, do những làng thờ vua Hùng đặt ra. Nước ta về triều Lê có một thời-kỳ sức các dân-xã thờ vị thần nào phải chép thành chuyện cho rõ-ràng, để ông quản giám bách-thần-điện đứng tên xét lại (hiện còn biên trong thần-tích). Do câu chuyện thần-tích ấy, nhiều làng tự một người có văn chương bịa đặt ra, nên mới có những tên Hùng-Oai-vương, Hùng-Nghị-vương, v. v..

Từ đời Hồng-bàng đến đời Trần, nước ta có quyển sử nào đâu? Nhân sách của Tàu có chép 18 vua Hùng, thì tìm lấy 18 chữ có ý-nghĩa hay, rồi gán vào chữ Hùng; bộ sử của cụ Ngô-giáp-Đậu có chép lại, nhưng bộ *Đại-Việt sử ký toàn-thư* và bộ *Khâm-định Việt-sử* là hai bộ có giá-trị nhất, có bộ nào thêm một chữ ở giữa chữ Hùng-vương đâu?

Vậy phải kết-luận rằng: đến đời Trần nước ta mới bắt đầu chép sử, nhưng chưa chép đời Hồng-bàng; mãi đến cụ Ngô-sĩ-Liên soạn bộ *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (năm 1479) mới chép thêm đời Hồng-bàng, mà gọi là Ngoại-kỷ; thế thì từ đời Hồng-bàng đến đời Lê Thái-tổ, những chuyện ở quyển sử trước của ta chưa có, thì ta Phải theo của Tàu: ở chỗ này không thể nói rằng: « một việc phát-minh ở nước nào, sách vở nước ấy chép ra mới đúng ».

Duy có một điều phải cẩn-thận, là dùng sách Tàu cho có phương pháp, so-sánh xem quyển nào chí phải thì theo. hiện chưa ai đ chứng được đúng hơn ng Pháp, thì ta phải theo người Pl phải nhận rằng chính chữ L

(*Xem tiếp trang 20*)

NGUYỄN DU

viết «Đoạn trường tân thanh» vào lúc nào (1)

ĐÀO DUY-ANH

MẤY lần tôi cũng theo ý kiến sẵn của phần đông người và bằng vào sách *Đại Nam liệt truyện* mà cho rằng Nguyễn Du được đọc sách *Kim vân Kiều Truyện* trong khi đi sứ sang Trung quốc và sau khi trở về mới viết sách *Đoạn trường tân thanh*. Sách *Đại Nam liệt truyện chính biên sơ tập* (quyển 20 tờ 9 a), ở mục Nguyễn Du, chép rằng : « Ông giỏi quốc âm. Đi sứ Tàu về thì có *Bắc hành thi tập và Thúy Kiều truyện* hành thế»,

Nhưng trong khi viết sách « *Khảo luận về Kim vân Kiều* », tôi đã sinh mối hoài nghi mà nói rằng điều ấy chỉ là do chúng ta ức đoán chớ tuyệt không có chứng cớ gì ngoài câu vắn tắt chép ở *Liệt truyện* tỏ chắc chắn rằng Nguyễn Du làm *Đoạn trường tân thanh* sau khi đi sứ trở về. Kịp đến tháng trước, nhân nghiên cứu về sách *Hoa tiên ký* của Nguyễn Huy Tự do Nguyễn Thiện nhuận sắc, tôi nhận thấy nhiều chứng cớ tỏ rằng Nguyễn Thiện đã mô phỏng văn của Nguyễn Du mà sửa lại văn của Nguyễn Huy Tự : nhân đó phải xét xem Nguyễn Du viết *Đoạn trường tân thanh* vào [illegible] nào, thì tôi lại càng thêm mối [illegible] đối với điều ức đoán trên kia. [illegible]ay tôi xin bày tỏ những lẽ [illegible]ến tôi ngờ để chất chính cùng [illegible] nhà thức giả.

1) Sách *Liệt truyện* nói rằng Nguyễn Du đi sứ về thì có *Bắc hành thi tập* và *Thúy Kiều truyện* hành thế. Nhưng sách *Liệt truyện sơ tập* soạn ở đời Tự-Đức, sau năm Tự-Đức thứ 5, tức là sau khi Nguyễn Du mất đến 30 năm, cũng có thể chép sai được (*Thực lục* cũng còn có chỗ chép sai, huống là *Liệt truyện*). Chữ *Thúy Kiều truyện* (tên gọi tục) và chữ *Bắc hành thi tập* các sứ thần dùng đó, tỏ rằng các ngài chỉ bằng vào khẩu truyền nên mới chép những tên sách gọi tục ấy, chớ không chép chính là *Bắc hành tạp lục* và *Đoạn trường tân thanh*. Như thế thì sách *Liệt truyện*, tuy là quốc sử, cũng không đủ cho ta tin.

2) Ta có thể bằng vào gia phả được không ? Gia phả cũng là do người đời sau chép, cho nên lòng tin của ta đối với quyển gia phả cũng nên có giới hạn. Ví dụ gia phả họ Nguyễn Tiên-điền gán sách *Lê-quý kỷ sự* cho Nguyễn Du vì người phép gia phả lộn tên tác giả sách ấy là Nguyễn Thu 倣 một sứ thần ở triều Tự-Đức cũng có đi sứ Tàu, với tên Nguyễn Du 攸, đó là chứng cớ khiến ta không nên quá tin gia phả. Dẫu thế, gia phả chỉ nói rằng khi đi sứ về, Nguyễn Du có *Bắc hành tạp lục thi tập*, còn *Đoạn trường tân thanh* thì gia phả kê vào với các tác phẩm khác mà không nói làm vào năm nào. *Liệt truyện* và *Gia phả* chép không giống nhau, đó lại là một điều làm vững mối ngờ của ta vậy.

3) Mối ngờ chưa giải thì lại nhờ ông Hoa Bằng mà biết được bài tựa sách *Kim Vân Kiều ấn* của Nguyễn Văn Thắng (2) Tác giả sách ấy đậu Cử nhân khi 23 tuổi năm 1825, sau khi Nguyễn Du mất 5 năm. Ta có thể xem ông là một người đồng thời với tác giả *Đoạn trường tân thanh* được, cho nên những lời của ông về sách của Nguyễn Du rất có thể

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt sại thành một pho từ điển, *rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc ác* và *nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 × 25 ngót 400 trang

Giá bán lẻ . . . . . 5$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10 %. cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20 %. cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ :

Ô. Quảng-vạn-Thành { *16, Phố Lê Lợi – HANOI*
51, Doumer – HAIPHONG

đáng tin. Ông được sách của Nguyễn-Du lúc bị hạ ngục, « mùa đông năm Canh dần » (cuối năm 1830), rồi sau đó đem ra làm án các nhân vật trong *Đoạn trường tân thanh*, đề là *Kim-vân-Kiều án*.

Trong bài tựa tập án ấy, có câu : « Xưa nhà Ngũ-vân-lâu bên Tàu in bản thực lục đã lưu-hành khắp chỗ, từ trước đến nay. Kịp đến quan Đông-các nước ta phu diễn ra quốc âm » (theo Hoa-Bằng dịch). Bản thực lục của nhà Ngũ-vân lâu là bản gì, nếu không phải là chính bản *Kim-vân-Kiều truyện* của Thanh-tâm Tài-nhân ? Hiện hai bản *Kim-vân Kiều truyện* chữ in tôi được thấy đều đề là Quán-hoa-đường và xung là Thánh-thán ngoại-thư, nhưng không thấy tên nhà xuất bản, vì những tờ đầu sách đã rách mất cả. Dẫu sao ta chắc mười phần rằng bản thực lục mà Nguyễn-văn-Thắng nói đó là bản *Kim-vân-Kiều truyện* chữ Hán.

Xem thế thì sách ấy lưu hành trong nước ta đã rộng lắm rồi mà có lẽ bây giờ đã có bản của người mình phiêu khắc nữa. Nếu sách ấy mãi khi Nguyễn-Du đi sứ mới đem về — năm 1814 cách khi Nguyễn-văn Thắng được đọc *Đoạn trường tân thanh* có 16 năm — thì hẳn chưa có thể « lưu hành khắp chỗ, từ trước đến nay » được. Vậy lời tựa trên ấy khiến ta có thể ngờ rằng sách *Kim Vân Kiều truyện* đã có ở nước ta trước khi Nguyễn Du đi sứ.

Vả trong lời tựa lại dùng danh hiệu « quan Đông-các » mà chỉ Nguyễn Du, chớ không dùng chữ « quan Tham-tri bộ Lễ » như trong bài Lệ-ngôn sách *Tân khắc Đoạn trường tân thanh* của Kiều-oánh-Mậu ở đời Thành-thái. Chức Tham-tri bộ Lễ là chức của Nguyễn-Du lúc mất, người sau gọi như thế là phải cách. Tại sao Nguyễn-văn-Thắng lại gọi là quan Đông-các, dùng một chức quan nhỏ của Nguyễn Du đã có từ năm 1805 đến 1809 là khi được bổ cai bộ tỉnh Quảng-bình ? Ông chỉ có thể dùng danh hiệu ấy, nếu bản *Đoạn trường tân thanh* ông được đọc (ông được lần đầu là vào năm 1830) có ghi ở trên tên tác giả mấy chữ *Đông-các học-sĩ*. Ví dụ : *Đông-các học-sĩ Nguyễn-Du soạn*. Nếu có mấy chữ ấy thì ta có thể tưởng rằng, tưởng một cách có thể gọi là chắc chắn được, Nguyễn-Du viết sự-tích Thúy-Kiều trong khi còn làm quan ở chức Đông-các, nghĩa là trước khi đi sứ Tàu.

Sách của Thanh-tâm Tài-nhân lưu hành ở trong nước đã lâu, ông đã từng được đọc. Đến khi ông phải về làm quan với triều Nguyễn, tự mình lấy làm xấu-hổ và uất-ức vì nỗi không tỏ bày tâm sự cùng ai, bèn đem ký thác vào *Đoạn trường tân thanh* vậy...

ĐÀO-DUY-ANH

Trích ở sách Khảo luận về Kim Vân Kiều

1) Đã đăng ở báo Đại-Việt số 13 ngày 16 Avril 1943.

1) Xem bài Nguyễn-văn-Thắng soạn giả Kim vân Kiều án. » ở Tri Tân số 35, ngày 4 Mars 1943, trang 4, 5.

(*Trích ở sách* **Khảo luận về Kim vân Kiều.**

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của **Bac-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànội : *Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*
Saigon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

HỒ BA BỀ

là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ
HỒ BA BỀ ?
xin mời các bạn hãy thần du với tác-giả tập du-ký
HỒ BA BỀ
ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai mầu.
In tại nhà in Tri-Tân
giá 2$00 một cuốn.
Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nhan TRỊNH-NHƯ-TẤU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi

NỘI-DUNG BỘ

LỊCH TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG

Số 2

H. B.

IV.—Lễ-nghi chí (quyển XX — XXV)

Về loại-chí này, tác-giả Phan-Huy-Chú có nói: « Từ Đinh, Lý về trước, chương-nghi còn giản; đến Trần, Lê về sau, lễ-chế dần dần nhiều bộn: hoặc có cái xưa lược mà nay tường, hoặc có cái trước không có mà sau có... Bèn kê-cứu ở sử-sách, xếp đặt theo từng môn loại mà chia ra điều mục. Thuật rõ xưa nay cho biết điều gì vẫn noi theo, điều gì đã cách bỏ, phụ thêm nghị-luận cho biết điều nào là được, điều nào là hỏng. »

Rồi tác-giả chia loại *Lễ nghi chí* này như dưới:

Lễ-chế về mão áo của đế vương (quyển XX).

Lễ-chế về chương phục của bách quan (quyển XX).

Trong mục « *bách quan* » này lại chia:

Văn ban (quyển XX)

Dư-vệ của đế vương (quyển XX).

Lỗ bộ (1) của Vương-phủ (quyển XX).

Dư vệ của tram quan (quyển XX).

Hành nghi của các quan triều (quyển XX).

Lễ Giao tế Trời, Đất (quyển [illegible]).

Lễ cúng-tế nhà tông-miếu (quyển XXI).

Các vị thờ ở Thái miếu Phụng sự điện (quyển XXI).

Các vị thờ ở Chí-kinh điện (quyển XXI).

Các vị thờ ở Thái-miếu của Vương phủ (quyển XXI).

Lễ khánh hạ của triều đình (quyển XXII).

Lễ quốc tuất tang-sự (quyển XXIII).

Lễ hành táng ở sơn-lăng (quyển XXIII).

Các lăng của các chúa Trịnh (quyển XXIII).

Lễ truy tôn và xách phong (quyển XXIV).

Lễ truy-phong (quyển XXIV).

Lễ cáo-tế để trừ tai biến hoặc lễ tuyên thệ (quyển XXV).

Khoa-mục chí (quyển XXVI — XXVIII)

Để mở đầu loại-chí này, tác-giả có viết mấy lời dường phê-bình về chế-độ khoa-cử của các triều-đại. Tôi xin trích dịch ra đây: « Ôi, lựa lấy kẻ sĩ thực nhờ ở khoa mục; mà đặt ra khoa cử, cần phải có cân nhắc; vì bằng chỉ choèn-choèn ở một đường thì sao hay thu hết những người tài-giỏi? Một việc văn-chương có quan-hệ đến thế-đạo. Cứ xét nghiệm chỗ được chỗ hỏng ở khoa trường, sẽ biết được cuộc thịnh suy của nước. Phép thi của các triều-đại, đời nào cũng có chỗ được, chỗ hỏng, lúc noi theo, lúc sửa đổi; vậy không thể không nên biết rõ. »

Loại *Khoa-mục chí* này, tác-giả khảo từ đời Lý (1010-1224) đến khoa đinh-mùi (1787) đời Lê Chiêu Thống.

Trong chia:

1·) Đại cương phép thi của các đời (quyển XXVI).

2·) Lệ khảo-thí ở trường hương (quyển XXVII).

Kể từ năm Vĩnh-thịnh thứ ba (1707) ban định các điều-lệ về khoa thi hương. Rồi chép đến thí-viện công đường, khảo-viện công-đồng đường cùng là những đồ dùng và tiền phát cho những quan-lại có chức-phận coi trường thi luôn với sự-lệ các triều đại cung cấp về việc thi hương.

3·) Lệ khảo-thí về khoa hội (quyển XXVII).

Các sự-lệ về trường thi hội bắt đầu định từ năm Cảnh-trị thứ hai (1664).

4·) Lệ ban yến cho những người dự điện-thí (quyển XXVII).

a) Lễ-tiết về điện-thí;

b) Lễ-tiết về việc xướng danh tiến-sĩ;

c) Lễ-tiết về việc ban xiêm áo đai mão cho các tiến-sĩ;

d) Lễ-tiết về việc thết yến các tiến-sĩ;

e) Lễ-tiết về việc các tiến-sĩ tạ ơn, vinh quy.

5· *Số người đỗ ở các khoa của các triều đại* (quyển XXVIII).

Kể số những người thi đỗ từ đời Lý Nhân-Tông Thái-ninh thứ tư (1075) đến khoa đinh-mùi (1787) đời Lê Chiêu Thống.

Quốc-dụng chí (quyển XXIX-XXXII)

Loại *Quốc-dụng chí* này, thuộc về vấn-đề kinh-tế. Mở đầu loại chí này, tác-giả có viết : « Việc lớn của nước chẳng gì cần thiết bằng tài-chính và quốc-dụng ». Thế đủ tỏ rằng tác giả có cái nhận-thức rất cao : biết đặt vấn-đề kinh-tế lên trên hết mọi việc.

Chính ông Deloustal đã dịch loại-chí này ra chữ pháp, đề là *Ressources financières et économiques de l'Etat dans l'Ancien Annam*[1] đăng trong Revue indochinoise 1924, 1925 và trong Bulletin des Amis du Vieux Hué, 1932.

Loại chí này, tác-giả cũng khảo từ Lý, Trần đến Lê (1010-1787). Trong chia làm :

1·) *Sổ đinh* (quyển XXIX).

2·) *Phép thuế má* (quyển XXIX).

3·) *Sự dùng tiền tệ* (quyển XXX).

4·) *Chế độ về điền thổ* (quyển XXX).

5·) *Sự đánh thuế và thúc thuế* (quyển XXXI).

6· *Chính-sự tuần sát các nơi, thuế đò giang, quan-ải và chợ búa* (quyển XXXI).

7·) *Lệ thu thuế* (quyển XXXII).

8·) *Sự chi tiêu* (quyển XXXII).

Để tóm-tắt đại-ý loại-chí này, tác-giả có nói ở đầu rằng : «...Đó là chính-sách lý-tài, phương-pháp làm cho nước được giàu đủ. Phàm người có thiên-hạ (tức là hạng vua chúa cai-trị nước) phải nên ly-hội cả. Đến như lấy của người dưới để cung phụng kẻ trên, tất phải có người quản-xuyên thì sự đánh thuế và thu thuế nên có thể-lệ cho đúng ; biết lượng số thu vào để làm số chi ra, biết xếp-đặt cho có chuẩn-tắc, thì sự tiêu dùng nên có mực thường. Đó là cái đạo làm cho đủ dùng trong nước và lấy phải của dân, đó lại là cái qui mô có chừng-mực, cẩn-thận và dè-dặt. Chế-độ quốc dụng của các triều đại tưởng không ngoài thế .»

(Còn nữa)

H. B.

1) Cũng đọc là «mỗ-bạ». « Mỗ » nghĩa là nước muối ; « bạ » nghĩa là sổ. Nguyên xưa, trước khi vua chúa trảy qua đường nào, người ta thường rảy nước muối ở đường ấy cho khỏi bụi. Nghi-tiết rảy nước muối này được ghi vào sổ, nên mới kêu là « lỗ bộ » hoặc « mỗ-bạ ». Về sau, tiếng đó trở nên một thành ngữ để chỉ những nghi trượng trong khi tuy đi của thiên-tử. Còn lỗ-bộ của vua chúa đời Lê bấy giờ đại để có những thứ như cờ tiết-mao, long hoa long, quạt hoa-long, xe, kiệu và lính vệ, v. v.

Nhà in

TRI-TAN

nhận in đủ các thứ:

sổ sách, và thư từ

Giá tính phải chăng

HÃY ĐỌC

VÌ CHÚA NGUYỆT-SAN

bằng quốc-văn, hán-văn, pháp-văn

50 bis Avenue Khải-Định Huế

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA XUẤT BẢN HÀNG THÁNG

TRÌNH BÀY MỸ-THUẬT, BÀI VỞ LỰA CHỌN

VÌ-CHÚA

Là một cơ quan khảo-cứu triết-học, khoa học, lịch-sử, văn-chương, sưu tập những cái tinh túy trong văn-hóa Âu-Á để xây đắp cho nước nhà một nền văn-hóa với cuộc đời mới.

VÌ-CHÚA

Gồm có đủ tay thông nho như Cụ Tiểu-Cao Nguyễn-văn-Mục, thông văn-hóa La-tinh Hy-Lạp như Cha Dom Romain, thâu suốt quốc văn như ông Hoài-Thanh Nguyễn-đức-Nguyên phụ bút.

VÌ-CHÚA

Rất hân hạnh đón tiếp các nhà văn không vì một định kiến đã làm cho chia rẽ sức mạnh nước nhà, vui lòng giúp Bản-san.

Một điều chắc : Các bạn đọc không khi nào thất vọng sau khi đọc VÌ-CHÚA vì VÌ-CHÚA không khi nào làm thất vọng các nhà văn.

Giá báo : 1 năm 12$00 — 6 tháng 7$00 — 3 tháng 4$00

TRẢ CHO ĐỒ CHIỂU

LÊ-THỌ-XUÂN

VÂNG, tôi xin các ngài trả bài thơ « *Non nước tan tành hệ bởi đâu* » cho tác-giả của nó là Cụ Hối-trai Nguyễn-đình-Chiểu.

Trong Tri-Tân số 89, thi-sĩ Trực-Thần có đem bài thơ nầy mà « giải phẫu theo lối khoa-học ». Ông « mổ » banh nó ra để ai nấy cùng thấy rõ đâu là « tim », đâu là « ruột ». Ông đâm hoài-nghi việc làm của ông Ngô-tất-Tố. Ông hoài-nghi là phải lắm. Chính tôi cũng nhận thấy trong « *Thi-văn bình chú* » cũng như trong mấy quyển về văn-học hay cũng như trong « *Gia-định thành Tổng-trấn* » của ông Ngô có rất nhiều chỗ sai lầm. Tôi thầm phàn-nàn sự *vội-vàng* của tác-giả quyển « Lều chõng », một thiên kiệt-tác của ông.

Ông Trực-Thần lo ngại về việc chúng ta lại đứng trước một bài thơ « dệt cửi » thứ nhì. Ông đã có nhã-ý nhắc đến tôi và bảo rằng tôi cũng nhận bài thơ nầy là của Cụ Đồ Chiểu trong tạp chí *Đại-Việt* số 1 ra trong nam 1942 tại Sài-gòn.

Tôi xin thưa thêm rằng không phải đến năm ngoái tôi mới nhận bài ấy là của Cụ Đồ, mà tôi đã nhận như thế cách nay đúng mười năm trong « *Đồng-nai tạp-chí* » đặc biệt mùa xuân xuất-bản vào Février 1933 (1). hồi Thọ-xuân tôi chưa giáp tuổi tôi đã và hai bài « *Nguyễn-đình-Chiểu* » và « *Phan-thanh-Giản* » đăng trong số này là hai bài đầu tiên của tôi về đường học-sử.

Trong bài « *Phan-thanh-Giản* » tôi có viết : « Thi ca đối vãn về đám táng Cụ (Phan) không biết bao nhiêu mà kể, nhưng được nhiều người thuộc hơn hết là hai bài thơ của Cụ Đồ Chiểu..... Chúng tôi nhờ ông Nguyễn-đình-Chiêm, con trai Cụ Đồ, *sao lục* cho hai bài ấy. Hai bài nầy đúng như hai bài của ông Trực-Thần đã chép, chỉ khác nhau có một chữ « (mây) *trắng* và (mây) *bạc* ».

Tôi quả-quyết bài thơ nôm đó là của Cụ Hối-Trai vì chắc-chắn rằng còn ai thuộc nó hơn người ở vùng Ba-tri, chỗ cụ về ở dạy học đến ngày ôm bụng (3) từ giã cõi trần...

Còn chắc hơn nữa là có giai-thoại sau nầy, tôi xin tường-thuật để các bạn thưởng giám.

Ngày 24 Mars 1934 là ngày làm lễ an-táng tiên-nghiêm tôi vào lúc hai giờ chiều. Đường xa 17 cây số ngàn mà hồi hai giờ khuya bữa đó, ông Nguyễn-đình-Chiêm (con trai cụ Nguyễn-đình-Chiểu) đã đến để cúng một tấm vãn và để chờ đưa tiên-nghiêm tôi lên đường. Trên tấm vãn có đôi đối :

« *Xỉ đức câu tôn* (4), *dưỡng lão vị văn vương trạch cổ,*
« *Tang thương đề cuộc, tri sanh đương cảm thế tình kim.* »

齒德俱尊養老
未聞王澤古
桑滄底局知生
當感世情今

Cúng xong, ông trò chuyện cùng tôi cho tới sáng. Ông lớn hơn tôi 36 tuổi, coi tôi như bạn vong-niên, nhưng tôi đối với ông bao giờ cũng giữ lễ-phép vì tôi kính ông là hàng thầy học. Trong lúc chuyện-trò, tôi có nói chiều bữa trước có vợ chồng ông Thái-hữu-Võ đến viếng tang. (Ông Thái là bạn thân của tiên-nghiêm tôi, trước có tặng tiên-nghiêm tôi một tấm hoành-phi khắc bốn chữ « Thiện-giao cửu-kính » 善交久敬. Rồi tôi nói ông Thái (5) có soạn quyển « *Phan-thanh-Giảng truyện* » (6) và in năm 1927, trong có nhiều tài-liệu rất quý và cũng có hai bài thơ của Cụ Đồ. Nghe tôi nói, ông Chiêm bỗng nhích miệng cười. Tôi hỏi : « Sao tiên-sanh (7) lại cười ? » Ông bèn thuật lại rằng khi ông Thái làm chủ-quận Ba-tri, có Hương-cả làng Mỹ-chánh (làng ông Chiêm) đến hầu. Nhơn ông Thái nhắc chuyện Cụ Đồ và nhắc đến ông Chiêm, ông Hương-cả tỏ lời khen ngợi văn-tài của ông Chiêm, tác-giả bổn tuồng danh tiếng « *Phong-ba-đình* ». Ông Thái nói : « Nó là

Đã có bán

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

Giá 2$80

Một triết học vô cùng sâu rộng lần đầu tiên được diễn ra quốc văn do một học giả thông tiếng phạn và đã tốt nghiệp Cao đẳng triết học Paris,

ông **Phan Văn Hùm**

Sách viết với hiểu tài liệu lấy ở *Viện bảo tàng Guimet* bên Pháp

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

29, LAMBLOT — Hanoi

hậu-sanh (8) chắc không thông lắm ». Câu nầy rồi tới tai ông Chiêm.

Về sau, khi đã về hưu ông Thái lo soạn quyển « *Phan-thanh Giảng chuyện* ». Chép đến lúc Cụ Phan qua đời, ông nhớ đến hai bài thơ bất-hủ của Cụ Đồ Chiểu. Ông bèn đến làng Mỹ-chánh, đem hai bài thơ nầy đưa cho ông Chiêm coi. (Cứ theo « *Phan-thanh Giảng truyện* » thì thấy trong hai bài thơ này sai những 15 chữ, thêm bản chữ hán viết lầm lẫn hai chữ *thần* (bầy tôi) và *thần* (thần hồn). Ông Thái hỏi ông Chiêm xem có đúng không? Nhớ việc trước, ông Chiêm đáp : « Bẩm quan lớn, tôi là kẻ hậu-sanh nên không thông lắm ».

Dẫu trả đòn đau, nhưng ông Chiêm không khỏi có tội với văn-học-sử nước nhà. Tuy vậy, « tòa-án văn-chương » lại cho ông khỏi tội vì sau đó, ông đã đọc và sao-lục hai bài thơ ấy để giúp tài-liệu cho ông Ph. v. H... và thanh Giản với bài thơ Kỷ-nội ».

Một kỳ sau sẽ có bài : « Phan

1) Trước « nỗi lòng Đồ Chiểu » một độ.

2) Tôi lấy hiệu Thọ-xuân mới từ 1932.

3) Cụ bị chứng đau bạng mà chết.

4) Lúc qua đời, tiên nghiêm tôi được 94 tuổi.

5) Ông Thái là người Ba-tri, ở gần nhà Cụ Đồ Chiểu. Thuở nhỏ ông học với quan cố Ngự-sử Lê-đình-Lượng (sau khi Nam kỳ thuộc Pháp, ông nầy thôi làm quan rồi đến ở và dạy học tại chợ Ba-tri), nhưng thường có đến trường Cụ Đồ để hỏi nghĩa sách. Khi cụ Đồ qua đời, ông Thái được 30 tuổi và đương lãnh chức cai tổng tại Batri.

6) Chữ « Giảng » ông viết lầm có g như nhiều người khác nhưt là người Pháp.

7) Trong Nam đọc là « sanh » trong chữ « tiên-sanh (sinh) » cũng như trong chữ « minh sanh (tinh) » Một ông Cử nhân đã từng làm huấn đạo ở Nha trang, trong lúc thuật chuyện cho tôi nghe về ngôi đền trên chót núi nhỏ ở đó, cũng đọc « Sanh-trung-từ ».

8) Ông Thái lớn tuổi hơn ông Chiêm trên mười tuổi.

TÙY-HỨNG

Giây phút trạnh lòng

Nguồn trăng dịu dãi mơ trên mặt biển
Cảnh đêm nay như tắm nhuộm khói hương
Im lìm trôi, một con thuyền lặng tiến
Cánh buồm nâu, bàng bạc nhuốm hơi sương

Mỗi đêm mờ — thuyền lướt trong sương nhẹ
Mỗi đêm mờ — theo sóng nhịp nhàng rung
Tâm hồn ai — vẫn bình thường lặng lẽ
Lại âm thầm nhịp điệu nhớ não nùng

Vì ai biết, dưới hàng thông đứng lặng
Này thiết tha, rầu rĩ, những mong tìm
Một cánh buồm, trong sương mờ thấp thoáng
Nhưng than ôi ! Không biết đã bao đêm !

Bao đêm trôi theo thuyền trôi trên biển
Cánh buồm ai — theo gió cuốn ta dần
Chửa bao giờ — bao giờ thuyền quay lại bến
Khách giang hồ chửa muốn vội dừng chân !

Bà LƯU VĂN LỢI

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được và xin giới-thiệu :

1) Gốc tích loài người của Nguyễn đức Quỳnh biên khảo do Hàn-Thuyên xuất bản trong loại « Văn Mới, tập mới ».

Tác giả đã kể rõ từ khi vũ trụ mới khai thiên lập địa cho đến cuộc tiến hóa ngày nay. Sách in cỡ nhỏ dày 200 trang giá 1$80

2) Le paysan tonkinois à travers le parler populaire của ông Phạm Quỳnh, do Alexandre de Rhodes xuất bản.

Sách in đẹp, dày 70 trang, giá 0$80.

3) Sử học trong loại Bách khoa đại từ điển » của ông Phạm Quỳnh do Quốc học thư-xã xuất bản, 32 trang, giá 0$50.

4) Thăm Hội chợ Saigon của mộng-Hùng do phòng Tuyên-truyền phủ Thống sứ xuất bản. Xin cảm ơn các nhà tặng sách.

Tráng sĩ
Nàng sẽ lại ?

Thiếu nữ
Xin trở lại tức khắc (thiếu nữ đi)

Tráng sĩ (ngó theo)
Ồ! một nữ tướng anh tài cân quắc
A ! chắc ý trời sắp đặt vận hung thặng
Trừ là khi đạo mạo đóng sư tăng
(suy nghĩ đắc ý)
Ừ, có thế mới làm nên nghiệp lớn.
Hỡi kiếm sắc, hãy ngồi lên muôn ánh gợn,
Để đợi chờ vang dậy tiếng hoan hô
(tráng sĩ vào lục một bộ quần áo nâu sồng mặc vào)
Bắt đầu nay tập niệm tiếng nam mô
(một lúc sau thiếu nữ trở về)
Kìa thấp thoáng... phải bóng giai nhân lúc nãy...

Thiếu nữ (trông thấy bộ quần áo nhà chùa)
Lại một ác tăng đương đứng đấy ?...
Ta lầm mưu ?... Mạnh mẽ tiến lên xem...

Tráng sĩ
Ô quý nương, trông dáng rất uy nghiêm!

Thiếu nữ (bỡ ngỡ)
Người dũng sĩ khi hồi ?

Tráng sĩ
Nàng dạy quá...

Thiếu nữ
Chàng cải-trang, trời ơi, trông khác lạ
Tôi suýt lầm...

Tráng sĩ
Chính thực một sư tăng
Phút này nàng nghĩ có nên chăng?
Ương khói sẽ xông lầm thám tử;
Cả phải theo màu tăng lữ,
Bắt này ta chiếm núi Tiêu sơn
Làm nơi căn cứ địa thuận bề hơn,
Còn chi nhánh là chùa chiền nơi khác;
Các đảng viên mỗi phương đều rải rác,
Lấy tên chùa chính thức đặt tên chung:
Đảng Tiêu sơn nơi tụ họp những anh hùng,

Thiếu nữ
Ồ vạn tuế đảng « Tiêu sơn tráng sĩ ».
Nhưng chàng hỡi, ngay đêm nay hãy nghĩ
Một chương trình chắc chắn để thành công.

Tráng sĩ
Việc đầu tiên là giải thoát bước lao lung.
Khoảng mai mốt cho bà Hoàng-phi họ Nguyễn

Thiếu nữ
Ồ thực quả là ý trời xui khiến
Chính thiếp vừa thám thính trở về đây
Bà Hoàng-phi đã bị bắt buổi trưa nay.

Tráng sĩ
Trời! bị bắt ?

Thiếu nữ
Nhưng thiếp đã có mưu thần giải thoát
(đưa cho tráng sĩ xem một tờ giấy)

Tráng sĩ
Thực mưu thần!

Thiếu nữ
Nhưng ngay giờ thiếp lại phải rời chân...

Tráng sĩ
Nhưng nàng hãy cho hay...

Thiếu nữ
Ngày hội ngộ ?

Tráng sĩ
Không, phiền nàng hãy cho tên tuổi rõ...

Kịch dài bằng thơ

Phạm Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng-sĩ » tiểu thuyết của Khái-Hưng

Số 3

PHAN-KHẮC-KHOAN

Thiếu nữ
Phải, cũng cần trong những lúc xưng hô

Tráng sĩ
Và để chép ghi sổ đảng khỏi hồ đồ.

Thiếu nữ
Vâng, Nhị-nương...

Tráng sĩ
Nhị-nương ?

Thiếu nữ
Chàng cứ viết.

Tráng sĩ
Và...

Thiếu nữ
Tuổi ?...22 chừng đã hết ?

Tráng sĩ
Còn... vâng, còn ngày hội ngộ định khi nào
Chừng hẳn không...như giấc chiêm bao!

Thiếu nữ
Chính thế, phải luôn luôn gặp-gỡ...
Ngày mai, chậm hơn là việc lỡ.

Cảnh II

Vẫn cảnh cũ (chùa Tiêu-sơn về ban đêm)
Nhân vật : Nhà sư thứ hai (tức tráng sĩ thứ nhất)
Tráng sĩ thứ hai

Tráng sĩ (thứ hai đi vào chùa)
Đêm loáng màu tro tắt tiếng chuông,
Nghe như dìu-dịu ý điên cuồng...
Dọc ngang mài một thanh gươm sắc!
Thù hận còn căm mộng nhạt suông!
Đây đã đến một ngôi chùa hùng-vĩ
Đứng trơ trơ nghiêm trấn ngọn đồi cao;
Làm căn cứ... chắc nơi đây bền bỉ,
Để giao thông tụ-họp những anh hào...
Phen này phải liều tay độc ác
Giết thiền-sư rồi đổi lốt tu hành;
Việc đại nghĩa trong thời nguy loạn lạc,
Cần nhẫn tâm và cần phải hy sinh.
Ta lén bước vào đây ai biết rõ;
Rồi đêm khuya thanh vắng sẽ ra tay.
Chỉ khoảnh khắc là bạn cùng chuông mõ,
Nương cửa thiền chờ đợi một mai đây...

Tráng sĩ lần vào đến nhà trong định hành thích, nhưng nhà sư (vừa đội lốt) vẫn còn thức. Hai người đánh nhau một lúc nhưng vì không phân hơn kém nên đều dừng lại, nhà sư cất tiếng.

Nhà sư (thứ hai)
Sao trước Phật-tự, giữa đêm khuya thanh vắng
Ngươi nỡ toan hành thích gã kia ơi!

Tráng sĩ
Trong hai ta một mất một còn thôi
Không cặn kẽ: hãy cùng ta tỉ thí!

Nhà sư
Ồ nghĩ cũng lạ cho người thập phương khách quý,
Đáp nhà chùa bằng lối thách đua gươm;
Hãy cùng ta đến trước áng trầm thơm
Bàn chuyện đã, rồi ngày mai sẽ tính...

Tráng sĩ
Không, ta đã quyết không thể toàn tính mệnh
Cả hai người giờ phút rất thiêng-liêng
Nơi rừng xa văng-vẳng thúc hồi chuông
Chừng giục giã một linh hồn về cực lạc

Nhà sư
Chuyện gươm giáo giờ đây ta hãy gác,
Đã vào đây nên nói chuyện tu hành.

Tráng sĩ
Đừng ỡm ờ, mau rút kiếm lanh lanh
Trong phút chốc để xem ai còn, mất!

Nhà sư
Ồ ngông dại đây tòa sen cửa Phật
Sao người lo bàn chuyện giết nhau chi?

Tráng sĩ (nóng nảy)
Không, giết ngay, hãy cứ giết nhau đi

Nhà sư
Vô ích lắm phải không, chàng Phạm Thái?
(tráng sĩ sửng sốt kinh ngạc... nhà sư tiếp)
Ngươi kinh ngạc hay là người sợ hãi?

Tráng sĩ (Phạm Thái)
Sợ người ư, ta mong sợ người ư?
(tức tối rồi lơi dịu dịu)
Nhưng làm sao người biết rõ thế thiền sư?

Nhà sư
Ta biết, bởi vì chung ta biết..
(có vẻ ngạo nghễ)
Và khắp nẻo giấy tờ đi ông gián yết
Để lùng truy tìm tức của nhà người;
Và quân binh phòng giữ khắp nơi nơi,
Nên ta biết vậy nên ta mới biết...

Tráng sĩ (P. T. hung hăng)
Chính vì thế nên ta đành phải giết
Trong hai ta một mất một còn thôi
(Nhà sư lập mưu sẵn : đã dẫn đến một chỗ mà phía sau thấp xuống. Lúc tráng sĩ xông vào nhà sư hết sức nhanh nhẹn nhảy né sang bên cạnh. Tráng sĩ chúi xuống thừa thế nhà sư đặt lấy gươm)

Nhà sư
Nhưng gươm đâu mà giết nữa, người ơi?

Tráng sĩ (P. T. bực tức trong giây lát rồi điềm nhiên)
Vậy người hãy đem ta dâng lính thưởng.
Nên chung đỉnh cứ quay về mà toại hưởng.

Nhà sư
Ồ công danh ai dễ phải khuyên ai!
Nhưng nếu bần tăng không đem nộp nhà người
Cũng không muốn một chúng ta phải chết,
Người nghĩ sao cho bần tăng được biết

Tráng sĩ (mỉa mai và đồng dạc)
Ồ thiền sư, phúc đức nghĩa gì đâu,
Ta đã thua đành quyết nộp đầu.

(Còn nữa)
PHAN-KHẮC-KHOAN

Sử học luận đàn

NÙNG TRÍ - CAO

vị anh-hùng độc-nhất của Rừng thiêng

(Tiếp theo và hết)

SÔNG BẰNG

Nùng trí-Cao thua chạy đến Tỉnh Tây thì gặp các tướng Quái đầu đà, Đoàn-Hồng, Đinh ứng-Long, Hoàng sự-Mật, Vương-Phàm, Nguyễn rư Khương, Đoàn hồng-Ngọc, Vương lan Anh v. v.. Quái đầu đa đặt ra trận Bát quái vây khốn tướng và quân Tống tại miền rừng, núi thuộc Ung châu-Hết lương, Tống binh chỉ còn chờ ngày chết thì đột nhiên nguyên-soái Vương hoài Nữ phụng mệnh Tống đế đến giải vây cho Địch Thanh. Trong trướng Vương nguyên-soái có tiểu-tướng Địch Long (con cả Địch Thanh) tài-hoa lỗi lac lại... vô cùng đẹp trai. Đoàn hồng Ngọc đem lòng yêu mến. Rồi, bị sức mạnh ái-tình chi-phối, Đoàn hồng Ngọc không nghĩ gì đến sự toàn-thắng sắp tới đem tất cả cách phá trận Bát quái bảo cho ý-trung-nhân. Đang bại, Tống quân chuyển thành thắng. Địch Thanh và Vương hoài-Nữ hợp 2 đạo binh làm một đánh tan nát binh-mã Nùng vương. Những tướng Đinh ứng-Long, Quái đầu đà, Hoàng sự-Mật, Vương-Phàm, Nguyễn rư-Khương, Đoàn hồng đều tử trận. Thua to, Nùng trí-Cao hết sức đánh mở một đường máu chạy lạc-lõng sang nước Địa-lý (Vân-nam). Rồi, một [illegible]m thuộc tiết mạnh đông nam [illegible]p ngọ (1054) Cao bị dân bản-[illegible] chem đầu đem nộp nhà Tống.

***

[illegible]họ Nùng thất-thế từ đây. Nhưng [illegible]ời thắng, bại đều là sự thường của Trời, đất. Hơn nhau có chăng chỉ ở tiếng anh-hùng. Cho nên đất Cao-bằng vẫn có thể tự hào đã sản-xuất ra một nhân-vật kỳ-vỹ. Nhân-vật ấy tuy quanh năm vui sống với những cảnh thông reo, suối chảy nhưng đã cố công thực hành một việc có một không hai trong lịch sử Việt-nam : Việc xáp-nhập hai tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây vào bản-đồ nước Việt. Mặc dầu công cuộc vỹ-đại ấy vượt hẳn lên trên sức cáng đáng của mình, nhưng Nùng trí-Cao cũng không ngần-ngại vì quân ít, thế cô lương-thực thiếu-thốn mà không hết lòng theo đuổi [illegible] định. Cao hoàn-toàn nếm mùi thất bại. Song, vị anh-hùng tạo ra thời-thế ấy, hơn tất cả ai hết, đã biết hy sinh cho đất nước, đã có một tư tưởng đáng quý là tránh hẳn cho giang-sơn Việt-nam cái vạ nội-tranh. Là vì, cứ theo thói tục thông-thường đáng lẽ tranh bá, đồ vương với Lý Triều để chiếm đoạt lấy một mảnh dư đồ để gây ra bao nhiêu thảm-họa cho người đồng-chủng (như những hồi thập nhị sứ quân, Trịnh, Nguyễn phân tranh v. v.) thì Nùng trí-Cao lại đương-đầu với 1 nước mạnh, lớn hơn nước mình và luôn luôn vẫn là kẻ thù của cả nước mình nữa. Việc Cao làm chỉ ở trong một khoảnh-khắc ngắn-ngủi nên không có một ảnh hưởng to-tát gì đối với hậu-thế. Và, sau này nối chí Nùng trí-Cao họa chăng chỉ có vua Quang-Trung (1788-1792) là còn có ý dự-bị đánh Tầu đòi lại đất Lưỡng Quảng bằng lực lượng súng, đạn. Nhưng, trước sức mạnh vô-đối của trời, ông vua Vạn-thắng ấy cũng như Nùng trí-Cao, đã công nhiên chịu phần liệt bại. Vua Quang-Trung làm bệnh rồi mất lúc đang trù-tính thực hành ý-định còn Nùng trí Cao thì vì quân ít, thế cô đã hoàn-toàn nếm mùi thất-bại. Tuy thế mặc dầu cả 2 vẫn xứng-đáng là người biết yêu nước, thương nòi. Và, cả hai lại còn công-nhiên xóa bỏ được lời phê-bình gắt gao của sử Gia Lê van-Hưu khi ông này bàn về Trưng Chắc, Trưng-Nhì 2 vị nữ anh hùng Việt-nam : « Trưng Chắc, Trưng Nhì là đàn-bà nổi lên đánh lấy được 65 thành-trì, lập quốc, xưng vương dễ như trở bàn tay. Thế mà từ cuối đời nhà Triệu đến đời nhà Ngô hơn một nghìn năm người Việt-nam cứ cúi đầu, bó tay làm tôi-tớ người Tầu mà không biết xấu hổ với 2 người đàn bà họ Trưng ? ».

Gặp việc phải làm, Nùng trí-Cao đã làm, dù sao hay vậy. Vả lại muôn việc ở đời thường không căn-cứ vào kết quả nhưng căn cứ vào sự gắng gỏ. Cho nên, đất Cao-bằng tuy nhỏ nhưng cũng hân hạnh có được Nùng trí-Cao. Hơn thế, nếu số-mệnh không cho chúng ta ca-ngợi sự đắc thắng của Nùng Vương thì những sự thành-tích vẻ vang vương đã gây nên ít ra cũng để chúng ta tự hào mà nhận

ra rằng : « Nước Việt-Nam nhỏ bé này bao giờ cũng sẵn nhân tài ». Vậy thì, với một võ công oanh-liệt gồm thêm cái ước-vọng thâu đoạt Lưỡng-Quảng, Nhân Huệ Hoàng-đế Nùng trí Cao rất đáng được chúng ta kính-trọng. Chứng thực lý-do ấy chúng ta chỉ cần rõ những việc kinh thiên, động địa Cao tạo ra tuy đã qua bao nhiêu thế-kỷ mà đến tận bây giờ và có lẽ mãi mãi về sau này vẫn phảng-phất khắp mọi nơi. Thêm vào đấy những lời truyền khẩu tách bạch giữa dân thôn để thấu hiểu thói quen quần chúng đối với danh nhân và cách sùng bái ngây thơ nhưng cảm-động.

Hiện thời, uy danh Nùng trí Cao lẫm liệt khắp Cao-bằng. Cho nên, đến thăm sông Bằng, núi Liễu lữ khách còn nhận chân thấy lòng sùng mộ cổ nhân của dân bản thổ. Lòng sùng mộ ấy lại càng rõ rệt hiện ra khi lữ khách đến vãn cảnh chùa Kỳ-Sầm là nơi người ta phụng thờ vị anh hùng Nùng trí-Cao cách tỉnh lỵ Cao-bằng 4 cây số về phía bắc.

Chùa đó, vào một tiết trọng đông năm thìn (1940) chúng tôi đã có dịp đến thăm. Bấy giờ đang lúc hoàng-hôn nên sương chiều thì nhau tỏa hơi lạnh xuống lâm-tuyền huyên-bí. Ngàn cây gặp trận gió lướt qua, thỉnh-thoảng lại rùng mình trong bóng tối. Những trái núi sừng sững tựa một bức thành chắn ngang phía chân trời. Và, dưới gốc đã hùng-dũng chùa Kỳ-Sầm trải qua bao nhiêu mưa, nắng đã « phô » ra lắm vẻ điêu-tàn. Cảnh điu-hui hợp với cảnh tráng nghiêm, tĩnh-mịch. Trông những phiến đá bọc rêu xanh biếc, những tường đổ nát, những mái ngói phai mầu. Không ai là không có một nỗi buồn thấm-thía. Giữa lúc ấy một luồng hơi lạnh bỗng lướt qua. Chúng tôi rùng mình. Và, tự đáy tâm-hồn chúng tôi đột nhiên cũng cảm thấy sự lạnh lẽo ghê rợn đương đua nhau bao trùm khắp đất nước này đối với việc kỷ-niệm và tôn sùng vỹ nhân của cả một dân tộc. Nhưng, đấy chỉ có thể là một mối buồn thoang qua. Vì, dù sao chúng tôi cũng tin chắn rằng : « Chùa Kỳ-Sầm nếu còn tồn-tại và hằng năm cử đến ngày mùng mười tháng mạnh xuân, những nam-thanh, nữ-tú còn lũ lượt rủ nhau đi chầy hội để cùng trân-trọng nghĩ đến thành tích vẻ vang cũ, thì những hồi oanh liệt của người xưa cố nhiên chẳng bao giờ bị chìm-đắm vào dĩ-vãng ».

(HẾT) SÔNG BẰNG

Viết thêm. — Theo dã-sử thì sau khi chết, Nùng trí Cao xách đầu tự Vân nam về ẩn đông Lôi hỏa (Thất khê, Lang sơn) xin thầy học cũ — hình như là Vương Thiên lão tổ (?) — cố hết sức làm cho Cao sống lại. Biết Cao chưa đến ngày tận số và còn có thể gây nên những sự nghiệp lẫy lừng, Vương Thiên lão tổ thuận ban phép cho Cao sống phép lấy chỉ có hiệu-quả khi nào A Nùng (mẹ Cao) ưng-lời đề nghị của Cao mà không bất-bẻ điều gì. Hoàn-hỉ Cao lên Đăng Ro (Cao bằng) hỏi mẹ : « Chuối chặt chuối còn mọc, đầu người đã cụt còn sống được không ? » Người ta bảo nếu A Nùng nói « được », Nùng trí Cao — nhờ có phép tiên — sẽ sống lại để hưng binh chống với Địch Thanh.

Nhưng, mau miệng bà trả lời : « Chuối chặt chuối còn mọc, đầu người đã cụt còn sống làm sao ? » Nên Cao đành chịu thúc-thủ dưới lưỡi liềm của Tử thần. Bởi vậy, trước khi sang bên kia thế-giới, Cao tức giận bảo mẹ : « Mẹ dại thì mẹ ăn phân. » Do lời tuyên-bố ấy nên hằng năm cứ vào ngày 15 tháng giêng là ngày hội chùa Bà Hoàng (thờ A Nùng ở giẫy núi Kim phả ở phía đông tỉnh lỵ Cao bằng) dân bản-thổ vẫn phải cúng bằng : « ruột bò non ». Không thực hành như vậy họ sẽ gặp nạn thủy tai hoặc mất mùa đói kém. Hồi năm kỷ-tị (929) lúc quan binh bộ thượng thư Bùi bằng Đoàn lĩnh chức Tuần phủ Cao-bằng ngài đã bắt dân bỏ hủ tục ấy đi nhưng, kết-quả xem chúng cũng không được mỹ-mãn cho lắm. Theo ý chúng tôi thì một người đã mất đầu rồi còn bảo là sống được thật là 1 điều vô-lý. Lại nữa, 1 người đã từng có những hành-vi oanh liệt như Nùng Vương có đâu lại thốt ra những lời ngỗ-ngịch đối với mẹ. Câu chuyện dã sử này chỉ là một chuyện người ta bịa đặt ra mục đích chỉ để « bôi nhọ » tiết-tháo Nùng vương. Chúng ta có thể tin chắc chắn rằng chuyện ấy không bao giờ có. —

S. B.

(Những tài-liệu dùng để viết bài này điều sưu-tầm trong những cuốn : Đại Việt sử ký toàn thư quyển 2, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Cao bằng tạo loạn, (Nguyễn ôn Lương, Đỗ Huỳnh) Cao-bằng thật lục, Cao bằng phong thổ phú (id và Nôn Tường) và bia chùa Kỳ Sầm thờ Nùng trí Cao ở xã Tượng Cần, tổng Tượng Cần, phủ Hòa an, tỉnh Cao-bằng, tỉnh lỵ 4 cây số).

Say

Vừa thoảng hương nồng đã thấy say,
Cần chi uống cạn chén thơm nầy ?
Men xuân gieo ngập lòng thanh thoát,
Bút mới buông lung tứ ngật ngầy.
Nghiêng ngửa tình thơ, hồn hóa bướm ;
Dật dờ cánh mộng, ý nương mây.
Say chưa dám thỏa, e trời vỡ,
Trước mắt trò đời cứ chuyển xây...

TRỰC-THẦN
trong Tây Đô Văn Đoàn

Bàn tính

Thiên-Địa Biểu

ĐÀO TRỌNG-ĐỦ

Bàn tính thiên-địa biểu có ba phần :

1·) một bảng lớn làm *bảng thiên-can ;*

2·) một bảng nhỏ *làm bảng địa-chi ;*

3·) một ông sao lục-giác làm *sao biểu-thị.*

Thiên-can với địa-chi, hợp lại cho nên gọi là Thiên-địa biểu.

Bảng thiên-can, bảng địa-chi và sao biểu-thị cùng một Trung-tâm-điểm và có thể quay trên trên một cái trục rỗng, như cái *valve* ruột xe-đạp, có cả ốc để vặn cho ba mảnh chặt lại như liền với nhau. Bản tính để lên trên một cái đế bằng gỗ ; trên đế có đóng đanh xuyên qua cái trục rỗng.

Bảng thiên-can lớn nhất và ở dưới. Chia ra làm ba vòng tròn, mỗi vòng chia ra 60 ô đều nhau. Vòng trong cùng là vòng thiên-can, viết sáu lần chữ giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, qui 甲乙丙丁戊巳庚辛壬癸, viết ngược chiều kim đồng-hồ. Vòng giữa biên từ 1 đến 60, [illegible]ư mặt đồng-hồ, từ một phút [illegible] sáu mươi phút: Viết chữ đỏ [illegible]150 phải viết ngang chữ tân 辛. [illegible] ngoài cùng, cũng biên từ 1 [illegible]0, nhưng theo chiều ngược [illegible] viết mực đen và số 60 phải [illegible]ngang với chữ canh 庚. Trước Thiên-Chúa giáng sinh, dùng số đỏ, sau Thiên-Chúa, dùng số đen. Chữ và số phải viết thế nào cho có thể đọc ngang như chữ tây và đọc phía tay trái bàn tính.

Bảng địa-chi để lên trên bảng thiên-can và có viết nam lần 12 chữ : tý, sửu, dần, mão, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu tuất, hợi, 子丑寅卯辰巳午未申酉戌亥 theo cùng một chiều với Bảng thiên-can.

Sao-biểu-thị ở trên cùng, sáu góc có biên chữ :

góc thứ nhất biên chữ :
0-thân-mùi 申 未

góc thứ nhì biên chữ :
50-tuất-tỵ 戌巳

góc thứ ba biên chữ :
100-tý-mão 子卯

góc thứ tư biên chữ
150 dần-sửu 寅丑

góc thứ năm biên chữ
200 thìn-hợi 辰亥

góc thứ sáu biên chữ
250 ngọ-dậu 午酉

Trước Thiên-Chúa giáng sinh, dùng sáu chữ thân, tuất, tý, dần, thìn, ngọ 申戌子寅辰午 mầu đỏ. Sau Thiên-Chúa, dùng sáu chữ 未巳卯丑亥酉 mầu đen. Năm Zéro là một năm theo lý-luận mà tưởng-tượng ra, để tính cho dễ. Còn mấy số 50, 100, 150, 200, 250, khi nào dùng cũng được, nhưng phải nhớ rằng sau Thiên-chúa, những năm ấy là năm tuất, tý, dần, thìn, ngọ 戌子寅辰午 ; trước Thiên-chúa, những năm ấy lại không phải là năm tỵ, mão, sửu, hợi, dậu 巳卯丑亥酉. Chữ mầu đen và mầu đỏ, tuy viết liền nhau mà dụng-pháp khác nhau.

Cách dùng bản tính thiên-địa biểu

Ca thứ nhất. — (Premier cas) — Biết dương-lịch, tìm âm-lịch.

Thí-dụ thứ nhất. — Năm 27 sau Thiên-chúa, âm-lịch là năm nào ? Trước hết xem trên sao-biểu-thị số nào bé hơn số 27 và đi liền với 27. Ta thấy số Zéro là bé hơn, đối-diện số zéro có chữ thân 申 Ta tìm chữ thân ở bảng địa-chi rồi quay đi ít nhiều cho chữ thân ấy ngang hàng với chữ canh 庚 số 60. Muốn biết năm 27 âm-lịch là năm gì thì tìm số 27 sẽ thấy hai chữ đinh-hợi 丁亥. Trong thí-dụ nầy phải dùng vòng số mầu đen.

Thí-dụ thứ nhì. — Năm 178 sau Thiên-Chúa, âm-lịch là năm nào ? Trên sao-biểu-thị, có số 150 là đi theo ngay số 178. Số 150 đối-diện với năm dần 寅. Phải

quay bảng địa-chi thế nào cho chữ dần cùng hàng với chữ canh 庚 số 60 mầu đen. Năm 178 sau năm 150 hai mươi tám năm, vậy tìm số 28 sẽ thấy năm 178 là năm Mậu-ngọ 戊午.

Thí-dụ thứ ba. — Năm 627: Phải trừ một lần 300, hai lần 300 ... bao-giờ không trừ được nữa thì thôi. Vậy năm 627, phải trừ 600, còn 27. Theo âm-lịch, năm 627 cũng như năm 27, nghĩa là cũng là năm Đinh-hợi 丁亥. Năm nào sau năm 300, cũng tính như thế. Năm 778 thì trừ đi 600 và tính như năm 178. Năm 1942 thì trừ đi 1800 và tính như năm 142, vân-vân....

Thí-dụ thứ tư. — Những năm 300, 600, 900, 1200... nghĩa là một lần 300, hai lần 300, ba lần 300, vân vân... Những năm ấy đều là năm Canh-thân 庚申 cả. Chữ canh 庚 đối-diện với số 60 mầu đen, chữ thân 申 đối-diện với số zéro trên sao biểu-thị. Hoặc có muốn tính thử xem, thì tính như thí-dụ thứ hai, vì 300 tức là 250 cộng với 50.

Trước khi Thiên-Chúa giáng sinh

Cũng tính như ba thí-dụ đầu nhưng phải dùng số và chữ mầu đỏ và lấy số 50 làm đích. Ví-dụ năm 50 Thiên chúa giáng sinh. Trên sao biểu-thị, theo liền sau số 50 là Zéro đối-diện với chữ Mùi 未. Vậy phải quay bảng địa-chi thế nào cho chữ mùi đi ngang với số 50 mầu đỏ. Cứ theo số mau đỏ mà đọc thì sẽ thấy hết thảy các năm trước Thiên-chúa, trước một năm là canh-thân 庚申 trước hai năm là kỷ mùi 己未..... cho đến trước năm mươi năm là tân-mùi 辛未 không phải là năm tân-tỵ, theo như sao-biểu-thị. Đoạn trên nầy đã nói sau chữ mùi, tỵ, mão, sửu hợi, dậu 未巳卯丑亥酉 mầu đỏ, không hợp với những số đối-diện. Muốn cho sáu chữ ấy hợp với năm, phải tưởng-tượng làm cho cả sáu chữ quay đi 60 độ (soixante degrés), nghĩa là quay đi một nấc, theo kim đồng hồ. Bảng đối-chiếu dùng vào khoảng trước Thiên-chúa phải đổi lại như sau nầy:

Zéro.	dậu 酉
50.	mùi 未
100.	tỵ 巳
150.	mão 卯
200.	sửu 丑
250.	hợi 亥

Những năm 300, 600, 900 ... trước Thiên-chúa, tức là năm Zéro trong bảng trên nầy, nghĩa là năm tân-dậu 辛酉, chữ tân là chữ đối với số 50 mầu đỏ bảng thiên-can.

Cách thứ nhì — Biết âm-lịch, tìm dương-lịch

Thí-dụ: Năm Nhâm-tý 壬子 vào khoảng đầu thế-kỷ thứ 15, là năm nào? Đầu thế-kỷ 15, nghĩa là sau 1400 và trước 1450, 1400: trừ đi bốn lần 300, còn 200. Trên sao-biểu-thị số 200 đối-diện với chữ Thìn 辰. Vậy phải quay bảng địa-chi cho thìn ngang hàng với số 60 (mầu đen). Để nguyên hai bảng thiên-can và địa-chi như thế, rồi quay ông sao cho một góc chiếu vào chữ Nhâm. Trong sáu góc sao biểu-thị, có một góc chỉ vào hai chữ Nhâm-tý 壬子 số 32. Vậy năm Nhâm-tý là năm 1432.

Điều nên chú ý. — Muốn tính cách thứ nhất cho nhanh thì lấy số năm (année) chia cho 60. Còn thừa bao-nhiêu thì tìm can chi cho số thừa ấy. Nhưng phải tính nhẩm (calcul mental) mới nhanh. Tính như thế, cần nhớ rằng số 60 mầu đen, nghĩa là chữ canh 庚 bao giờ cũng phải đến cùng hàng với chữ thân 申 bảng địa chi không cần đến sao biểu-thị nữa.

Có thể làm được 60 kiểu thiên-địa-biểu khác nhau. Mỗi kiểu một sao biểu-thị riêng.

Bài nầy viết theo bản thiên địa-biểu làm cho sở I.P.P. bày hội chợ Saigon, nên có hai points de repère: số 60 mầu đen và số 50 mầu đỏ. Muốn giản-tiện hơn, ta có thể dùng một point de repère là số 60 mầu đen, và đánh dấu Hồng thập-tự thay vào, cho dễ trông thấy. Những chữ mầu đỏ trên sao biểu-thị phải đổi lại như sau nầy:

Zéro	thân-*thân*
50	tuất-*ngọ*
100	tỵ *thìn*
150	dần-*dần*
200	thìn-*tỵ*
250	ngọ *tuất*

Những chữ viết ngả, dùng vào khoảng trước Thiên-chúa giáng sinh.

ĐÀO TRỌNG-ĐỦ.

Cùng các bạn đọc

Bản chí cần Nam-Phong số 85 (Juillet 1924) số 60 (Juin 1922). Ai có xin c gửi về cho. Bản chí sẽ gi trả lại tiền bằng mand

NGUYỄN-TRIỀU TRUNG-HƯNG CÔNG-THẦN

TRUNG-QUÂN

NGUYỄN VĂN TRƯƠNG

(1740 — 1810)

Số 2

NGUYỄN TRIỆU

ĐẠI đô-đốc Tây-sơn là Nguyễn văn-Xuân đóng ở thành La-qua để cự-địch, Trương tiến quân đến đánh, Xuân thua chạy, quân nhà Nguyễn bắt được hơn 80 cỗ súng thần-công, bèn đóng quân ở đó rồi báo tin thắng trận tâu về vua Nguyễn biết.

Nguyễn-vương giáng chỉ ban khen, rồi sai Tống viết-Phúc quân-lính hơn 30 chiến thuyền và 1.000 quân ra Quảng-nam giúp sức Trương, lại sai Phạm văn-Nhân tiến đến cửa bể Đà-nẵng để tiếp ứng cho Trương và Ngài dụ rằng: *Cứ cách 5 ngày phải một lần báo tin-tức việc quân về, trừ ra nếu có việc gì khẩn cấp thì phải phi-báo ngay lập tức!*»

Vương lại sai quan Hình-bộ Tham-tri là Trần văn-Trạc ra Quảng-nam để hiệp lực cùng Trương coi-sóc các việc quân, dân, thuế-má.

Được ít lâu, tướng Tây-sơn là bọn Nguyễn văn-Xuân, Văn tiếu-Thề lại quay về đánh thành La-qua, Trương và Tống viết-Phúc thả quân ra đánh đuổi và phá tan được mấy trận, quân địch phải chạy mất.

Trương bèn đóng quân ở Phú-hiêm, Kim-bồng, dựa theo mạn sông Tràng-giang mà thủ hiểm và [illegible] tin về cho Phạm văn-Nhân [illegible] binh đánh chặn đường về của [illegible] địch.

Được tin thắng trận, Nguyễn-[illegible]ang cho đất Quảng-nam là đường của quân Tây-sơn thường hay qua lại, bèn sai Trương giữ nơi hiểm-yếu và tích trữ lương thực để làm kế lâu dài. Trương xin hãy quyền nghi thu thuế ruộng công tư ở Quảng-nam để cấp cho quân ăn.

Vương liền cho phép thâu thuế và lại ban cho 100 đạo sắc bỏ trống tên để Trương xem ai quý-hàng, liệu xét tài cán đương nổi được việc gì thì điền tên họ quan chức vào rồi cấp cho người ta.

Tháng 5 năm ấy, đại-binh tiến ra đánh Phú-xuân. Thuyền ngự bấy giờ đóng ở hòn Chiêm, Nguyễn-vương bèn cho vời Trương đi hộ-giá, rồi tiến vào cửa bể Tư-hiền đánh phá lũy Quy-sơn, quân Nguyễn triều bắt được phò-mã Tây-sơn là Nguyễn văn-Trị. Trương thì đi theo đường khác vào cửa Thận-an, chặt đứt được ba con rồng cỏ của Tây-sơn rồi đốc thủy-binh kéo thẳng vào đánh đuổi được hết quân địch; ngự-thuyền nhân thế cứ tiến thẳng vào sông Hương, khắc-phục đô-thành Phú-xuân.

Vua Cảnh-Thịnh là Nguyễn quang-Toản (1) phải chạy trốn ra Bắc, Trương phụng mạng đem thủy-quân tiến đến Linh-giang (sông Gianh) để chặn đường, nhưng Quang-Toản đã chạy thoát rồi. Trương thu hàng được hơn 2.000 quân Tây sơn và bắt sống được em Quang-Toản là Tính đem về dâng nộp. Ngài sai Trương trấn-thủ đồn Đồng-hải và ban cho ấn-thụ phong làm Khâm-sai Chưởng-Trung-quân Bình-Tây đại-tướng-quân Quận-công.

Bấy giờ Đồng-lý Tây-sơn là Nguyễn văn-Thận trấn giữ Hà-trung, Trương xét biết có cơ tiến-thủ được, bèn dâng sớ xin chỉnh-bị binh-thuyền để đồ kế tiến binh, Ngài bèn sai trung-sứ đem một thanh gươm vàng ban cho Trương mà dụ rằng: « *Tướng-quân là bậc lão-thần, cột đá nhà nước trông cậy thì nên phải hết lòng cẩn thận kiểm duyệt binh mã kéo thẳng ra Nghệ-an, Thanh-hóa, hội với binh thượng-đạo mà tảo-trừ cho hết những quân đi.* » Ngài lại sai Đô-đốc Nguyễn kế-Nhuận làm phó điều-bát, theo Trung-quân đi dẹp giặc.

Quân của Tây-sơn phạm tới đồn Tiến-thị, núi Hoành-sơn Trương liền sai Kế-Nhuận đem 7.000 vệ-binh chia làm 2 mặt thủy bộ tiến lên và dặn rằng: *Hễ gặp giặc thì chớ nên vội đánh, phải đợi hai mặt thủy bộ tiếp nhau đã rồi hãy đánh.* »

Kế-Nhuận tiến binh đến Tiến-thị thì quân địch rút lui ngay, Kế-Nhuận liền thúc quân đuổi theo, đến núi Thần-đầu, Tây-sơn phục binh trong đường hiểm đổ ra đánh.

Kế-Nhuận thua to, thiệt hại mất già một nửa quân. Trương được tin báo, lập tức đem thủy-binh kéo thẳng đến Linh-giang chia binh phòng-thủ các mặt rồi tâu việc ấy về Phú-xuân.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Vua Nguyễn thấy Kế-Nhuận không tuân tướng-lệnh đến nỗi thiệt binh, bèn sai đem làm tội và cho Trương đề thuộc-tướng là Hoàng văn-Điểm án-thủ đồn Thanh-hà mà rút quân về Đồng-hải sửa sang Tràng-lũy để phòng bị.

Nhân có quan *Tán-lý* là Đặng Trần-Thường ở Bình-định ra, Vua liền sai Thường ra làm Tham-tán nhung-vụ giúp Trung-quân Trương.

Trương dâng sớ tâu rằng : « Nay từ Linh-giang trở ra cho đến Hoành-sơn, tặc đảng không còn nom dòm gì nữa, những quân thám-tử đều báo rằng ở ngoài Bắc-hà có nhiều nơi náo-động mong đợi vương-sư kéo đến ; ở Nghệ-an, quân giặc không còn được 3.000 người, ta có thể tiến-thủ được ; vậy xin phái thêm cho chiến-thuyền và binh, tượng, cùng với thần-đẳng hiệp-lực tiến quân, một là để mở mang bờ cõi, hai là để ràng buộc lòng người, ấy chính là cơ hội trung hưng đó. Vả, quân địch ở Qui-nhơn còn nương dựa vào Nghệ-an để làm thanh-thế trong ngoài với nhau. Nếu nay lấy được Nghệ-an rồi thì bọn Trần-quang-Diệu kia cũng phải mất vía, Qui-nhơn chỉ trở bàn tay cũng là phá được ».

Vừa gặp khi Chiêu thảo sứ ở Bắc-hà là Ngô-đức-Tuấn đánh phá được Biện-sơn, Nguyễn-vương dụ Trương rằng : « Việc ngoài Bắc-hà, tuy rằng nay là lúc có thể đánh được, song vừa mưa khỏi, tiến quân đường bộ, vận-tải lương thực vất-vả ; vậy các ngươi hãy nên điêu-bát ít binh thuyền để tiếp ứng cho đám Biện-sơn mà bộ binh thì hãy cứ giữ ở Hoành-sơn lư trương thanh-thế để mà ràng buộc bọn giặc, khiến cho nghĩa binh các đạo dễ bề công-thủ rồi ta cũng sẽ phái binh ra đấy... »

> **Thống chế Pétain đã nói :**
>
> *« Quốc-dân nên hiểu rằng sự phục hưng đã bắt đầu mà các người đương noi đường chính. Lại nên hiểu rằng nước Pháp chẳng thể cải tổ nếu quốc dân không gia nhập bằng tâm-hồn và ủng hộ một cách nhẫn nhục bền gan ».*

Bấy giờ ở Quảng-bình mưa lụt, lũy Trấn-ninh bị nhiều nơi đổ xụt, Trung-quân Trương xin bắt dân phu ba huyện đến để tu bổ, song Nguyễn-vương thấy đang mùa gặt hái, không muốn để mất công việc của nông-dân, Ngài bèn cho dân về và bắt quân lính phải đắp lại lũy.

Trương lại dâng sớ về tâu rằng: « Lũy Trấn-ninh địa thế rộng-rãi nên Tiên-triều đã thiết hiểm để chống với quân Trịnh, cũng nhờ có người Thuận-hóa cố chết giữ mới không can gì, nay nếu lại lấy quân Bắc-hà bắt được mà cho giữ đất ấy thật vô ích. Vả quân ta cần phòng-thủ nhiều nơi, trông được chỗ nọ thì hỏng chỗ kia, mà thân binh của thần thì không có được bao nhiêu. Nếu đợi để giặc đến rồi mới phòng-thủ trong ngoài thì thật thêm khó, nên trước đây thần đã xin xuất binh tiến-thảo nghĩa là muốn ra tay đánh trước để đè người đi chứ không phải dám khinh thường mà bạo động.

« Vì dù nay không nên đánh vội thì cũng xin phái cho thần lấy một đạo binh thuyền để hiệp với thần và trước hết đến Linh-giang mà phòng thủ. Nếu quân địch có phạm đến thì quân thủy và quân bộ sẽ dựa nhau mà cự địch, giặc dù có leo trèo đi được như vượn hay bay được như chim cũng không sao mà qua được, như vậy thì mới hoàn-toàn giữ được hạt Đồng-hải Trấn-ninh này ».

Nguyễn-vương bèn sai Tổng-phúc-Lương đem binh thuyền ra Linh-giang và Đặng-trần-thường cũng đem quân bản-bộ tiến đến Đồng-hải hiệp với Trung-quân Trương để giữ. Song thủy quân của Lương ra bể bị gió to ngăn cản, Vương lại cho triệu về và sai Thường giữ đồn Thanh-hà.

Trương cùng Phạm như Đang lại dâng sớ tâu rằng đường bể ra Bắc-hà quân miền Nam chưa quen, xin mộ các đội Tràng-đà ngày xưa lập làm đội Hòa-hải để phòng khi sai khiến cho tiện. Vương thuận cho và Ngài lại sai Trương phải trông nom tướng sĩ các đồn ải, đêm ngày canh phòng cho cẩn mật.

Đến tháng 11, vua Tây-sơn (2) là Quang Toản và em là Quang Thùy đem 3 vạn quân thủy bộ ở 4 trấn Bắc-hà và Thanh Nghệ vào để làm thanh-ứng cho bọn Diệu và Dũng. Vợ Diệu là Bùi thị-Xuân cũng đem 5 nghìn quân theo tòng-chinh.

Sau khi đến Hà-trung, trước hết Quang-Toản sai bộ tướng là Đinh công-Tuyết và Tổng quản tên là Siêu tiến quân đến đóng ở các ngả đường Pháp-kệ, Tam-đồng, binh thế rất mạnh.

Chưởng Trung quân Bình Đại-tướng-quân nhà Nguyễn Nguyễn-văn-Trương dâng bì tâu việc ấy. Vua Nguyễn hiền

(Xem tiếp trang 2

Lạc-vương...

(Tiếp theo trang 5)

vương, không phải Hùng-vương.

Đã quen gọi là Hùng-vương thì cứ gọi không sao-Nhưng đã làm sử thì phải tìm cho đến chỗ thật đúng: nay có người bảo cho chỗ đúng, mà mình xét lại quả có chứng-cớ. thì phải theo, không thể vì thuyết này thuyết khác mà gạt đi được.

Phụ - lục

Nói về sách Tàu chép chữ Hùng-vương trước tiên, thì như trên kia đã nói, có quyển *Nam-Việt chí* của Thầm Hoài-Viễn làm vào thế kỷ thứ năm; nhưng quyển *Nam-Việt chí* hiện nay không còn, chỉ thấy quyển *Thái-bình Hoàn-vũ ký* quyển 170, tờ 9 a) dẫn một đoạn như sau này: « Đất Giao-chỉ rất là béo tốt, xưa có quân-trưởng gọi là Hùng-vương, người giúp vua là Hùng-hầu gọi ruộng là Hùng-điền ... » Sách cổ của Tàu chỉ có một quyển ấy là chép chữ Hùng-vương, còn thì sách ta cả.

Trước nhất là quyển *Việt-điện u-linh* của Lý-tế-Xuyên, chức chuyển-vận-sứ lộ An-tiêm, làm năm Khai-hựu thứ nhất (1329) đời Trần Hiến-tôn, chép chuyện Tản-viên có câu: « Hùng-vương có con gái ... Thục-vương cầu-hôn. Hùng-vương muốn gả Đại-thần là Lạc-hầu nói không nên gả » (chữ Lạc này, *các* bên bán *duy*, dễ nhầm ra chữ Hùng).

Vào khoảng 50 năm về sau, quyển *Việt-sử* lược (sách in, số h của Trường Bác-cổ là P. 264, ch rõ người làm sách, nhưng thể đoán được là người đời n Đế hiện (1377-1388) làm ra, vì ở cuối quyển có chép một bảng niên-hiệu vua đời Trần, dòng cuối cùng chép là « Kim-vương xương-phù nguyên-niên đinh-tỵ », vua bấy giờ hiệu Hương-phù thứ nhất là năm đinh-tỵ (tức 1377). Trong *Việt-sử lược*, tờ 1 a, có chép đời vua Trang-vương nhà Chu, bộ Gianinh có người lạ, thường lấy ảo-thuật bắt các bộ-lạc phải phục, gọi là Hùng-vương.

Đến sử-thần nhà Lê, cố cụ Ngô-sĩ-Liên làm bộ *Đại-việt sử-ký toàn thư* vào năm Hồng-đức thứ mười (1479); khi chép chuyện Hồng-bàng, cụ có bài bình-luận, trong có câu rằng: « Tin sách chẳng bằng không có sách, hay thuật chuyện cũ để truyền nghi » (quyển 1, tờ 5 b).

Mười ba năm sau (1492) có ông Vũ-Quỳnh làm quyển *Lĩnh-nam trích quai*, chép đến chuyện Hồng-bàng có câu: « Tôn người hượng-trưởng làm vua, gọi là Hùng-vương... Tướng văn gọi là Lạc-hầu, tướng võ gọi là Lạc-tướng... »

Về sau có ông Lê-Tung, Nguyễn-Nghiễm, Ngô-thì-Sĩ là sử-thần triều Lê, và có sử-thần triều Nguyễn, góp tất cả ở bộ *Khâm-định Việt-sử*, cho đến các nhà làm sử riêng, đều theo chữ Hùng-vương cả. Duy có khác một điều, là quyển *Nam-Việt chí* của Tàu, trên chép Hùng-vương, dưới chép Hùng-hầu, Hùng tướng, Hùng-điền, đều một chữ Hùng cả.

Còn các sách của ta thì chỉ chép Hùng-vương, dưới thì Lạc-hầu Lạc tướng Lạc-dân Lạc-điền, đều là Lạc cả. Nhưng mỗi quyển viết chữ Lạc một khác, duy có bộ *Khâm-định Việt-sử*, thì ba chỗ cũng viết chữ Lạc *mã* bên (quyển 1, tờ 2 b, 5 a và 9 a).

Chữ Lạc - tướng thì cũng có quyển viết *các* bên, quyển viết *mã* bên, quyển viết *xại* bên; duy chữ Lạc-hầu thì những sách ta không có quyển nào viết chữ *mã* bên, chỉ có quyển *Khâm-định Việt-sử* là viết *mã* bên: cứ như thế biết rằng sử-thần đời Tự-đức có ý viết cho người ta không sao nhầm ra chữ Hùng được nữa.

Sách Tàu chép chữ Lạc trước tiên là quyển *Giao-châu ngoại vực ký*, làm vào thế-kỷ thứ tư, nhưng không còn sách, chỉ thấy *Thủy-kinh chú* dẫn một đoạn có chữ Lạc-vương, Lạc tướng, Lạc-hầu, Lạc-dân, Lạc-điền: năm chữ Lạc đều viết *các* bên.

Rồi đến quyển *Việt-kiều thư* của Lý-văn-Phượng (soạn vào thế-kỷ thứ 16), ngay tờ 1 a, có chữ Lạc-Việt: chữ Lạc này *mã* bên.

Quyển *An - nam chí-nguyên* của Cao-hùng-Trưng (làm vào thế-kỷ thứ 17) trang 18, mục thành-trì, có chữ Lạc-vương, viết *xại* bên; cũng trong quyển ấy, trang 136, mục cung-thất có chữ Lạc-vương, Lạc-tướng, Lạc-dân, Lạc-điền, thì bốn chữ Lạc này lại viết *các* bên bán *duy*.

Về sau có quyển *Đại-Thanh nhất thống chí* (tờ 4 a), mục cổ-tích, dẫn một đoạn ở *Thủy-kinh chú*, có năm chữ Lạc, đều viết *các* bên cả.

Quyển *Thiên hạ nhất thống chí* (quyển 90, tờ 5 b), mục cổ-tích có chép chữ Lạc-vương, Lạc-tướng, Lạc-dân, cũng viết *các* bên.

Sách của người Nam, có quyển *An-nam chí lược* của Lê-Tắc, làm đời Trần, chép chữ Lạc-vương.

Đem so-sánh, thì chữ Lạc-vương có trước chữ Hùng-vương đến một thế-kỷ, mà bảy quyển sách Tàu, là *Giao-châu ký*, *Việt-kiều thư*, *An-nam chí-nguyên*

Giao-quảng ký, Đại-Thanh nhất thống chí, Thiên-hạ nhất thống chí, Nam-Việt chí, thì sáu quyển viết chữ Lạc-vương, duy có quyển *Nam-Việt chí* viết chữ Hùng-vương.

Trừ quyển *An-nam chí-lược* ra, sách ta đều chép là Hùng-vương cả; duy có ông sử-thần Ngô-sĩ-Liên chép chuyện Hồng-bàng trước nhất, đã bác chữ Hùng-tướng là nhầm; sử thần đời Tự-đức thì không nói rõ, nhưng viết hẳn ra chữ Lạc *mã* bên, để tỏ ý biết là nhầm, mà không dám chữa.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

(1) Xem câu « Lạc-tướng sau viết nhầm là Hùng-tướng » chua trong bộ *Đại-Việt sử ký toàn-thư* (quyển 1, tờ 3 a) có thể đoán được là sử-thần nước ta biết mấy chữ Hùng trong quyển *Nam-Việt chí* là nhầm. Lại có một điều sử-thần đang tâm, mà ta vẫn vô ý, là quyển *Đại-Việt sử-chí* viết chữ Lạc-tướng *các* bên bản *duy* (quyển 1, tờ 5 a dòng 10) mà quyển *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 1, tờ 3 a, cuối dòng) thì viết *xại* bên chữ *các*

(2) *Ở Chu-lễ* và *Khang-hy tự-điển* đều chép là *Châu-lễ hạ quan chức-phương thị*, ở Sở-cuồng viết chữ... *chí* thì nhầm

Ở Chu lễ viết chữ « cửu lạc », chỉ có *Khang-hy* viết chữ « bát lạc »; cụ Sở cuồng không xem lại *Chu-lễ*, nên nhầm

Cụ Sở-cuồng nói « khảo theo *Khang hy tự-điển* hai chữ Lạc (*xại* bên và *mã* bên) thông dụng » cũng nhầm. Chính trong *Khang-hy tự-điển* ở dưới chữ Lạc *các* bên bản *duy*, có chua rằng thông-dụng với Lạc *mã* bên. Còn chữ Lạc *xại* bên và *mã* bên, thì *Khang-hy tự-điển* không có chỗ nào nói là thông-dụng, nhưng cũng có thể nói là thông-dụng được, vì chữ Lạc-tướng ở *Đại-việt sử-ký* viết *các* bên bản *duy* (quyển 1, tờ 5 a), ở *Toàn-thư* viết *xại* bên chữ *các* (quyển 1, tờ 3 a), ở *Khâm định Việt sử* viết *mã* bên chữ *các* (quyển 1, tờ 2 b), thế là cả ba chữ Lạc đều thông-dụng chứ không phải hai như cụ Sở-cuồng nói.

Nhà văn bình dân...

(*Tiếp theo trang 3*)

sinh quan bằng cặp mắt từng-trải, thiết-thực mà không thiên-lệch. Người ấy là tiêu-biểu của nền văn hóa cổ hữu của Đại-Việt.

***

Vì trọng thực-tế, nhà văn bình dân chỉ ưa những cái gì là thực tại, là thượng chất, là cần dùng cho sự sống còn, là nghệ-thuật vì nhân sinh, nên hết sức gạt ra ngoài những hư-văn, những màu-mỡ bề ngoài, những lễ nghi phiền-tỏa mà giả dối.

Đi theo văn hóa Tàu, tục đốt vàng mã được nhập cảng xứ này có lẽ từ hồi Bắc-thuộc nhà Đường.

Trải bao thế hệ, người mình cứ « *gánh vàng đi đổ sông Ngô* », « *tiền thật mua của giả* » rồi phải say sưa món văn hoa ngoại lai kia lại « *vén tay áo sô đốt nhà tang giấy* »: khen việc làm vô-ý thức ấy là biết « sự tử như sự sinh », là biết hết lòng báo hiếu. Vì vậy, nhà văn bình dân liền đem trụ đá chống sóng điên cuồng, lấy cột cả đỡ nhà xiêu tó, hô lên những tiếng « chém đinh chặt sắt » khiến người làm con biết đường nhận rõ chữ hiếu, không mắc vào những lý thuyết mơ mộng viển vông:

« *Nhiều mã thì cả đống tro...* »

Chẳng dè đến giờ gặp lúc giấy khan, giấy đắt, cái triết-lý bài xích việc đốt mã, cho sự đốt mã chỉ là phí phạn vô-ích ấy lại rất thích hợp với hiện trạng xã-hội ngày nay.

Phải, hiện hay nhiều tờ báo đang cổ-động việc bài trừ vàng mã, chỉ là làm việc hưởng-ứng với tiếng hô-hào của nhà văn bình-dân ấy thôi. Thế mới biết nhà văn ấy có cặp mắt « tiên kiến » trông rất xa vậy.

***

Tôi mới giới-thiệu sơ qua như vậy, chắc các bạn cũng đã thấy rõ chân tướng của người đại-biểu của nền văn-hóa cổ hữu của dân Đại-Việt ấy rồi.

Người ấy, trải bao cuộc thế biến thiên, cũng vẫn cầm nắm được một cái gì gọi là của mình, giữ vững được những cái đặc điểm của một dân tộc đã có những trang lịch-sử rực-rỡ oanh liệt, gây được một tiềm-lực cho dân tộc ấy sống còn đến tận ngày nay.

Tới đây, tôi cần phải bổ thêm: mỗi khi dùng văn chương để phát biểu ý-kiến, diễn đạt tư-tưởng đối với một vấn đề nào, nhà văn bình-dân ấy bao giờ cũng đứng bên đại chúng, dùng những chữ, những tiếng rất phổ thông khiến cho những nơi ngõ hẻm, hang cùng, chân sim, mỏm đá, đâu đâu cũng có thể hiểu nghĩa mà truyền tụng được.

Người đó thật có công trong việc truyền bá một nền giáo dục bình dân.

Người đó thật xứng-đáng với cái danh hiệu là con cháu của Trưng-vương, của Trần Hưng-đạo, của Lê Thái-Tổ ...

Trên khoảng dừng bút, tôi xin nhắc lại mấy câu mộc-mạc mà sâu sắc của nhà văn ấy để làm châm ngôn cho những ai là dân Đại-Nam,

« *Đấy vàng, đây cũng đồng đen*
« *Đấy hoa sói trắng, đây sen Tây hồ* »

Và:

« *Chớ thấy sóng cả mà*
« *Sóng cả, mặc sóng, cho có chừng* »

HOA-BẰNG

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 19

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Ta muốn vào thăm Quận-chúa.

— Việc đó thì chúng tôi không thể nào tuân-lệnh Phò-mã được.

— Sao vậy ?

— Phò-mã đã quên rồi sao ? Lệnh Chúa-thượng rõ ràng, chính Chúa-thượng đã nói rõ cho Phò mã biết. Vì Quận-chúa còn trẻ dại và sức yếu, nên lễ động phòng hoa chúc phải hoãn đến hai năm nữa. Chúng tôi vâng lệnh Chúa thượng và chỉ biết có lệnh Chúa-thượng.

— Ta có muốn náo phòng đâu ? Ta muốn càng vợ ta nói chuyện.

Lương Ngự sử nói :

— Chúa-thượng đã dạy : dù chỉ muốn nói chuyện với Quận-chúa, Phò mã cũng không được vào.

— Hai cụ là bậc đại-thần tất phải biết cho ta. Có lý nào cưới vợ lại để đó. Vợ chồng như sao hôm, sao mai ! Nói chuyện với nhau thì có chi là hại. Tự thượng cổ đến giờ, ta chưa thấy có đám cưới nào lạ lùng như thế !

— Đó là lệnh Vương thượng.

— Chúa có bảo ta, ta cũng ừ cho xong việc, chứ đương tuổi xuân hơ hớ như ta. lẽ nào ta lại chịu điều ràng buộc ấy. Chúa thượng tưởng rằng ta sẽ làm tội tình sao ? Quận chúa ở với Vương-thượng, thế nào thì về với ta cũng thế. Ta nói đã nhiều, hai cụ cho ta vào...

— Không thể được ! Chúa thượng đã ban cho chúng tôi quyền bảo-hộ Quận-chúa. Ai phạm vào chúng tôi tức là phạm vào Chúa-thượng.

Giữ nói rắn rỏi của Lương ngự-sử khiến Đặng-Lân chột dạ. Hắn ngồi gót, định trở ra, nhưng cho đó là một cái nhục, hắn lại đến gõ cửa.

Lương Ngự-sử quát :

— Phò-mã muốn làm loạn phép nước hay sao ?

— Ta dễ sợ ? Mở cửa mau.

— Không khi nào mở cả. Phò-mã nên trở về phòng riêng yên nghỉ.

— À, hai thằng già dám bướng với tao ? Mở cửa mau không chúng bay có chết ! Quân không biết nhục đi hầu vây một người con gái, còn huênh-hoang già họng nỗi gì !

— Đặng Lân ! Đừng nói hỗn. Nên nhớ ta thay mặt Chúa-thượng tới đây, phải nể mặt ta mới được.

— Thằng già vô-lễ. Mày dám gọi tên tao.. mày không biết trên đầu mày có ai nữa sao ?

— Có Chúa-thượng.

— Và có Phò-mã.

— Phò-mã ? hay là một tên giặc dữ ?

Đặng-Lân gầm lên như một con hổ đói. Hắn nghiến răng ken két, lộ hết cả vẻ nham hiểm hung tàn.

Khẽ trung hầu, thấy Lương ngự-sử quá nóng, nói dịu, tay hầu cũng đang thâm gan tím ruột :

Phò mã không nên nóng nảy. Mọi việc đều do Chúa-thượng chủ trương. Chúa-thượng đã bảo thế nào, kẻ làm dân, kẻ làm con, phải nghe theo mới được. Lương Ngự-sử và tôi vâng mệnh Chúa-thượng, đi bảo hộ Quận chúa, chúng tôi chỉ có việc tuân theo thánh chỉ. Vả lại, nếu Phò-mã, trước khi nghênh-hôn, không chịu cái khoản này, thì làm gì chúng tôi phải vất-vả tới đây ? Phò mã còn nói gì nữa.

Mày kể dài giòng, cho tao thêm điên tiết. Chúa thượng bắt tao theo, chứ dại nào tao lại chịu cái khoản vô nghĩa-lý ấy. Tao muốn cưới Quận chúa ngay nên vờ ưng-thuận, một nhời hứa thì làm gì ? Nay Quận chúa đã ở trong tay tao, tao bảo thế nào Quận chúa phải nghe như thế, chúng bay cũng vậy. Ở trong phủ này, không có Chúa-thượng nào cả, chỉ có chúa Đặng-Lân.

— Phò-mã nói với chúng tôi chỉ vô ích. Chúng tôi chỉ biết có lệnh Chúa-thượng. Trừ phi Phò-mã nói với Chúa-thượng bãi cái lệ này đi, thì chúng tôi mới để Phò-mã vào

Đặng-Lân cười nhạt :

— Tên hoạn-quan kia, mày cũng muốn chết phải không ? Cả hai đứa, nghe tao bảo : một là chúng bay mở cửa, tao sẽ tha chết cho ; hai là chúng bay khăng-khăng cố chấp, tao sẽ cho quân phá cửa vào, khi ấy tao sẽ mổ bụng moi gan chúng bay. Đừng cố lấy nê Chúa-thượng mà làm già. Đừng cố trên vào cậu Trời. Tao muốn tử-tế với chúng bay, không muốn thẳng tay trong ngày vui của tao. Vậy cho chúng bay chọn lấy một đường. Sống hay chết, là tùy ở chúng bay cả. Tao nói thế là rõ-ràng rồi. Chúng bay mở hay không mở ?

Hai vị lão-thần đồng thanh đáp :

— Không mở. Phò-mã muốn chết thì phá cửa.

— A, chúng mày lại thách tao, phải không ? Thế thì chúng bay chết. Bay đâu !

Có tiếng dạ chung quanh, nhâu-nhâu như chó sủa. Đặng-Lân truyền :

— Phá cửa lầu cho cậu !

Tiếng dạ râm ran nghe rợn người. Chừng năm mươi đứa vô-lại đồ tới, kẻ dao người thước, thế rất dữ-dội. Bùi-Đăng thưa :

— Thưa cậu, phá ?

— Tao đã bảo thế nào ? phá mau !

Tiếp theo là tiếng phá cửa ầm ầm. Trên lầu rung chuyển. Trời đã lờ-mờ sáng Quận-chúa sợ bắn người lên. Bầy thị-nữ đã về cả. Quận-chúa chỉ còn giữ Ái-Thi Ái-

Nhạc ? Nàng sai Ái-Thi xuống gọi hai vị đại-thần. Lương Ngự sử và Khê trang-hầu lật đật lên. Quận-chúa nói :

— Việc đã đến thế này, xin hai cụ lớn mở cửa cho họ vào, kẻo di-lụy đến hai cụ lớn. Tôi là phận gái, dù có mệnh-hệ nào, quốc gia cũng không thiệt-hại. Nhưng hai cụ lớn là rường cột của triều đình, nếu có làm sao thì phụ vương lại thiếu tay phù tá. Thân tôi đã là thân bỏ đi rồi, hai cụ lớn đừng nên lấy nó làm trọng nữa. Mở cửa cho chúng nó vào.

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Đón coi :

Đọc « Quán biên-thùy »
HỘI-THÔNG viết

Tục hỏa-táng của người Thổ
ĐỖ-HOÀNG-LẠC

Tiểu-sử cụ Thủ-khoa Nghĩa
TRỰC-THẦN

Bài thơ « Từ thủa vương xe... » của Phan Thanh-Giản
LÊ-THỌ-XUÂN

QUÁN BIÊN-THÙY với những nạn bom HAIPHONG

Tối thứ bảy 29 Mai tại nhà hát tây Hanoi, « Thanh-Niên Tạ-tử, Nghệ-sĩ Liên-hiệp » sẽ tổ chức một dạ hội giúp nạn nhân bị bom. Quan Thống Sứ Bắc kỳ và Phu-Nhân chủ tọa danh dự.

Vở kịch chính buổi ấy là « Quán biên-thùy » của Thi-sĩ Thao Thao.

TRI-TÂN SẼ TĂNG GIÁ TỪ 1er JUIN 1943

Các bạn đồng-nghiệp hàng ngày đã tăng giá : đó vì vật giá càng ngày càng đắt, nhất là giấy mực. Nếu chúng tôi cứ giữ giá bán tờ Tri-Tân như giờ thì lỗ vốn nhiều quá ; chúng tôi không thể hi sinh mãi nên bất đắc dĩ từ 1er Juin 1943 Tri-Tân cũng phải tăng giá lên như sau :

mỗi số	0$30
3 tháng	3 50
6 —	6 50
1 năm.	12 00

1·) Các bạn mua báo trả tiền rồi không phải trả thêm.

2·) Các bạn mua báo mà chưa trả tiền nếu trả trước ngày 1er Juin 1943 chỉ phải trả theo giá cũ là : 3 tháng 2$35 — 6 tháng 4$50 — 1 năm 8$50.

3·) Các bạn mới nếu mua báo mà trả tiền trước ngày 1er Juin 1943 cũng được hưởng theo giá cũ như trên đã nói.

4·) Các học-sinh các trường mua báo giả tiền ngay vẫn được hưởng lệ trừ 20%.

Tri Tân Tạp Chí

Nguyễn-văn-Trương...

(Tiếp theo trang 19)

giá ra thân chinh đóng ở Đồng-hải, sai các tướng chia giữ các nơi để kháng chiến. Ngài hỏi kế công, thủ, Trương tâu rằng : « Nay giặc đã vào sâu, ta nên cứ giữ thành trì cho vững, đợi khi có gió thuận, thần sẽ xin đem thủy sư ra phá binh thuyền giặc vào thẳng sông Linh-giang, chặn ngang đường cộ-binh của quân địch kéo về thì quân Tây-sơn không còn một mảnh giáp mà về được nữa ».

Vương cho kế ấy là phải.

Sang đến đầu năm sau, (nhâm-tuất, 1802) Quang-Thùy cùng Tổng quản Siêu đến công phá lũy Trấn-ninh ; Đinh-công-Tuyết tiến binh đến núi Đâu-mâu ; Đô-đốc Lực và Đặng-văn-Đẳng kết liên với đảng giặc Tế-nguyên đem 100 chiến-thuyền đến dàn bầy thủy-trận ở ngoài cửa bể Nhật-lệ (Đồng-hới).

Vương liền sai trung-quân Nguyễn-văn-Trương đem thủy-quân ra ngoài bể để đánh nhau với quân địch và lại sai Phạm-văn-Nhân cùng Đặng trần-Thường chia đường mà cự-địch.

(Còn nữa)

NGUYỄN-TRIỆU

---

(1) Năm nhâm-tý (1792) vua Quang Trung là Nguyễn-Huệ mất, bọn Bùi Đắc-Tuyên và Trần Quang-Diệu lập Thái-tử là Nguyễn Quang-Toản mới 10 tuổi lên nối ngôi, đặt niên-hiệu là Cảnh thịnh.

(1) Mồng 3 tháng 5 năm Tân-tị (14 Juin 1801) Phú-xuân thất-thủ, vua Cảnh-Thịnh Tây-sơn là Quang-Toản ngày đêm kíp chạy ra Bắc-hà, niên-hiệu là Bảo-Hưng và truyền đi các trấn để lấy viện binh, sai là Quang-Thùy đem binh mã vào Nghệ-an.

Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Pháp văn đối chiếu.
150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.
Bản thường 1$00 — Bản giấy Đại La 5$00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông Nguyễn-văn-Vĩnh
350 trang khổ 17×23
Bản thường 2$00 — Bản giấy Vergé boutfant 7$00

Lược-khảo Việt-ngữ

của ông Lê-văn-Nựu
Ngót 100 trang khổ 12×17
Bản thường 0$50 — Bản giấy giò 4$00

—*—

ĐÃ XUẤT BẢN

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại la 5$00

Tổng phát-hành **Mai-Lĩnh**

21 Rue des Pipes — Hanoi

NHỮNG SÁCH CỦA

LÊ-THĂNG XUẤT BẢN

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1°) Tiểu học Việt nam văn giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p.25
2°) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 3.50
3°) *Grammaire Annamite*, Trần-trọng-Kim 4.50
4°) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0.80
5°) *De Hanoi à la Courtine*, Phạm-duy-Khiêm 1.50

Đang tái bản

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in 2 loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN

MỘT DANH-TỪ,
MỘT THÀNH-NGỮ,
MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi : tập SỬ-HỌC
của cụ Lại Bộ PHẠM-QUỲNH

Đã có bán

ÓC KHOA HỌC

CUỐN ĐẦU TRONG BỘ

SỨC KHỎE TINH THẦN

của P. N KHUÊ

Giá : 2$20

Bằng một lối văn dễ dàng, sáng sủa, tác-giả bộ « *Sức khỏe mới* » dẫn các bạn đi tìm Óc khoa học tức là một lối nhận xét, một lối nghĩ, một lối xử trí thích hợp nhất với đời sống phiền-tạp ngày nay.

❖

Mua 1 cuốn xin gửi tiền trước, kèm 0$40 đảm bảo về ông giám đốc.

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC
71 Tiên Tsin — Hanoi

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi